

# Tìm hiểu Kinh Pháp Cú (DHAMMAPADA)

## Tâm Minh NGŨ TẦNG GIAO

\* DIỆU PHƯƠNG xuất bản, Hoa Kỳ, 2006 \*

-02-

### GIỚI, ĐỊNH, TUỆ

Có nhiều hạnh tu khác nhau. Có nhiều pháp môn khác biệt. Nhưng không một hạnh tu và pháp môn nào ra khỏi Giới Định Tuệ.

Giới Định Tuệ có trong "*Tam Vô lậu Học*". "Tam" là ba. "Vô" là không. "Lậu" có nghĩa là phiền não. Do vậy, "tam vô lậu học" là ba môn học giúp chúng ta vượt khỏi sự trói buộc của mọi phiền não, hoàn toàn tự tại, đưa đến giác ngộ, chứng nhập quả vị giải thoát hoàn toàn.

Giới Định Tuệ là nếp sống đạo hạnh và trí tuệ được tập trung và đề cao trong Kinh Pháp Cú, một nếp sống hướng thượng mang lại hạnh phúc cho bản thân mình và cho người khác. Giới Định Tuệ là đạo hạnh của cả người xuất gia lẫn người tại gia.

### GIỚI LUẬT

Trong Đạo Phật, "*Giới*" có nghĩa là những điều luật để phòng ngừa và tránh cho thân thể, lời nói và tâm ý khỏi phạm điều quấy, đồng thời dứt dừng điều ác (phòng phi, chỉ ác) hoặc ngưng điều ác và làm điều thiện (chỉ ác, tác thiện).

Vậy giới là những quy luật, những quy tắc cần phải hành trì, là hàng rào phân định giữa thiện và ác, là phương pháp điều trị những tội lỗi do thân, miệng, ý phát sinh ra, hầu đem lại lợi ích cho mình và cho người. Giới là kỷ cương của Phật Pháp, là mạng sống của Tăng Già: "Giới luật còn thì Phật Pháp còn. Giới luật là thọ mạng của Phật Pháp".

Khi sắp nhập Niết Bàn, Đức Phật đã ân cần dạy các đệ tử: "Này các Tỳ kheo, sau khi ta nhập diệt, các thầy phải tôn kính, trân trọng giới luật, như người mù mà được sáng mắt, người nghèo mà được châu báu; phải biết rằng giới luật là vị đại sư cao cả của các thầy. Nếu ta còn sống ở đời thì cũng chẳng khác gì giới luật này".

Nhưng giới luật không phải là những điều răn cấm mà Đức Phật ban hành, bắt buộc hàng tín đồ phải tuân hành, nếu không là có tội. Phật Giáo không quan niệm có sự ban thưởng điều lành hay trừng phạt điều dữ mà chỉ truyền dạy lý nghiệp báo, tức định luật nhân quả. Gieo giống nào sẽ gặt quả nấy.

1. Thoạt tiên Đức Phật dạy con người nên cố tránh không làm các điều ác, điều bất thiện. Một người lái buôn nhập đoàn cùng đi với nhiều vị Tỳ kheo. Trong lúc ấy vài tướng cướp muốn giật tiền của anh nên nấp chờ trong rừng. Anh được báo tin, vội ngưng lại không đi qua nơi phục kích đó. Anh khuyên các vị Tỳ kheo nên quay trở về cho an toàn. Lúc về, các vị Tỳ kheo bạch lại với Đức Phật về cố gắng bất thành của các tên cướp. Nhân đó Đức Phật khuyên dạy:

(Pháp Cú 123)

*Tựa như một kẻ đi buôn  
Có mang nhiều của nhưng không bạn bè  
Tránh đường nguy hiểm chẳng đi,  
Hay người tham sông chẳng khi nào gần  
Tránh liều thuốc độc vô ngần,  
Chúng sinh noi đó lo thân tâm mình  
Tránh xa điều ác cho nhanh.*

Vị Tỳ kheo nọ không lưu tâm đến những lỗi lầm nhỏ mà thầy thường hay phạm, như tính tình cầu thả, không chịu giữ gìn kỹ lưỡng các đồ dùng trong chùa. Mặc dầu các bạn đồng môn nhiều lần khuyên giải, thầy vẫn một mực bỏ lửng, không để ý. Khi câu chuyện đến tai Đức Phật Ngài khuyên dạy thầy không nên xem thường lỗi lầm và điều ác dù là nhỏ. Người đại dột làm ác mỗi lần một chút, lâu ngày sẽ bị cái ác thâm nhiễm trọn vẹn:

(Pháp Cú 121)

*Chớ khinh điều ác nhỏ nhoi  
Cho rằng: “Quả báo mình thời chịu đâu!”  
Nhớ rằng giọt nước nhỏ lâu  
Mỗi ngày một chút cũng mau đầy bình,  
Người ngu gom góp vào mình  
Bao điều ác nhỏ dần thành họa to.*

Một người có phẩm hạnh chân chánh muốn từ bỏ đời sống trần tục để xuất gia theo Phật. Mỗi lần thảo luận với vợ đều bị bà vợ ngăn cản. Khi thì nói đang có mang chờ sinh đẻ đã. Khi sinh xong lại nói chờ con trưởng thành. Một ngày ông quyết tâm thọ lễ xuất gia và sớm thành đạt đạo quả A La Hán. Sau đó vợ và con ông cũng lần hồi gia nhập vào giáo hội và đắc quả A La Hán. Đức Phật nhân cơ hội đó nói lên lời lên án điều ác và ca tụng điều thiện, khuyên người đạo đức không nên tìm thành công bằng phương tiện bất chính:

(Pháp Cú 84)

*Đừng vì mình hay vì người  
Ham cầu con cái, ham nơi ruộng tiền  
Hay ngại vàng để ngự lên  
Mà dùng mưu kế đảo điên ở đời,  
Muốn thành công chớ hại ai  
Thấy điều bất chính làm sai tránh đường  
Sống đời đức hạnh thơm lòng  
Rạng vàng trí tuệ, ngát hương đạo mầu.*

Một thiếu phụ nổi con ghen hành phạt tàn nhẫn một tỳ nữ có dan díu với chồng bà bằng cách bắt trói, cắt tai, cắt mũi, nhốt phòng kín. Trong khi hai vợ chồng đến tịnh xá nghe Đức Phật thuyết Pháp, người tớ gái được thân nhân giải cứu, đến bạch lại tự sự với Đức Phật. Đức Phật khuyên dạy:

(Pháp Cú 314)

*Đừng làm ác, chẳng lợi gì!  
Gieo đi độc ác, gặt về khổ đau  
Làm lành, làm tốt cho mau  
Không hề hối tiếc, trước sau đẹp lòng.*

2. Sau khi tránh làm điều ác thời Đức Phật dạy là nên nắm ngay lấy mọi cơ hội để làm việc lành, việc thiện theo chánh hạnh vì những hành động như thế sẽ ảnh hưởng tốt đẹp đến hạnh phúc trường cửu của ta. Tâm hướng thiện là tâm hướng về các loại hành động như bố thí, tri

giới, hành thiện, cung kính bậc trưởng thượng, phục vụ, hồi hướng phước báu, hoan hi với phước báu của người khác, nghe giáo pháp, truyền bá giáo pháp và củng cố chánh kiến v.v...:

(Pháp Cú 169)

*Thực hành chánh hạnh chuyên cần  
Đùng theo đường ác, chớ làm điều sai  
Ai theo chánh pháp đời này  
Niềm vui mãi hưởng kéo dài đời sau.*

Một bà tín nữ tuy nghèo nhưng giàu tâm đạo, cúng dường vật thực đến một vị A La Hán đang đứng khát thực trước túp lều của mình. Sau khi cúng dường xong bà đó đi quanh gốc cây đề trở vào lều thời bị rắn cắn, bà chết và tái sinh vào cảnh trời. Từ nhân cảnh ấy, vị Trời, trước kia là bà tín nữ nghèo, trở xuống lau dọn tịnh thất cho vị A La Hán để báo đáp ơn sâu và cũng để tăng trưởng thêm phước báu cho mình. Vị A La Hán ngăn cản, sợ người ngoài hiểu lầm mà đàm tiếu. Bà buồn. Đức Phật thấy vậy khuyên dạy bà rằng vị A La Hán tự chế như vậy là cần thiết, còn phần bà thời:

(Pháp Cú 118)

*Đã làm việc thiện, việc lành  
Hãy nên tiếp tục thực hành hằng say  
Hãy vui với việc lành này  
Tâm hay làm thiện có ngày hưởng vui.*

Trong ngày đầu tiên Đức Phật trở về nơi chôn nhau cắt rốn, thành Ca Tỳ La Vệ, liền sau khi thành đạo, Ngài đi tri bình trong các đường phố. Đức vua cha là vua Tịnh Phạn, nghe tin ấy lấy làm nhục nhã, lật đật chạy đến hỏi Đức Phật tại sao nở lòng làm nhục hoàng gia, đi khát thực trên những con đường mà trước kia Ngài chỉ đi bằng kiệu vàng. Lúc ấy Đức Phật lưu ý vua rằng đó là chánh hạnh của chư Phật, những người đến trước Ngài và Đức Phật đọc:

(Pháp Cú 168)

*Luôn hằng hái, chớ buông lung  
Sống theo chánh pháp vô cùng tinh thanh  
Những người chánh hạnh thực hành  
Đời này cảm thấy thân mình an vui  
Đời sau sung sướng thêm thôi.*

Được biết Đức Phật mỗi khi thọ trai xong thường thuyết Pháp, một người thiện trí nọ đi khắp làng của mình, cổ động cho mọi người cúng dường vật thực đến Đức Phật và chúng Tăng, kể ít người nhiều, tùy phương tiện. Khi đến nhà một trưởng giả, nhà ý của ông bị hiểu lầm, và ông trưởng giả chỉ đóng góp một phần rất nhỏ. Đến lúc mọi việc đã hoàn tất tốt đẹp, người thiện trí họp tất cả lại để tỏ lòng tri ơn. Ông trưởng giả cũng đến dự, nhưng với ý định sẽ giết người thiện trí nếu vị này có lời khinh rẻ vì ông không đóng góp đúng theo sức. Tuy nhiên, người thiện trí vẫn cảm ơn đồng đều tất cả mọi người và cầu chúc mọi người được hưởng phước báu dồi dào. Ông trưởng giả thấy vậy ăn năn và xin sám hối. Nghe câu chuyện này, Đức Phật giảng về giá trị của hành động thiện, dầu chỉ là điều thiện nhỏ, đừng tưởng rằng nó sẽ không đem lại kết quả tốt cho ta:

(Pháp Cú 122)

*Chớ khinh điều thiện nhỏ nhoi  
Cho rằng: “Quả báo mình thời hưởng đâu!”  
Nhớ rằng giọt nước nhỏ lâu  
Mỗi ngày một chút cũng mau đầy bình,  
Người hiền trí chứa tâm mình  
Bao điều thiện nhỏ dần thành phước to.*

Và rồi Đức Phật nói lên một cách tóm tắt, nhưng hết sức chính xác và cô đọng, hướng đi chung cho con người. Đây là một thái độ rất dứt khoát giữa thiện và ác, một sự lựa chọn giữa đêm đen tượng trưng cho bất thiện, và trời sáng tượng trưng cho thiện pháp. Đây cũng là con đường hướng thiện, phương pháp tu thân, đưa đến tự tâm chói sáng. Đạo Phật có thể được coi là tóm tắt trong câu sau này:

(Pháp Cú 183)

*Chớ làm điều ác bao giờ  
Làm điều lành tốt người chờ, người mong  
Giữ tâm, giữ ý sạch trong  
Là lời Phật dạy ghi lòng chớ quên.*

3. Tán thán giới hạnh: Để nói lên tinh chất ưu việt của giới pháp, các bản nghi thức truyền giới thường nêu ra những ví dụ như: "Giới như đất tốt, muôn hạt giống lành từ đất mà sinh ra, giới như thuyền bè đưa người qua bể khổ, như chuỗi ngọc anh lạc để trang nghiêm pháp thân". Hoặc nói "Giới là thuyền bè đưa qua biển khổ, là thang bắc qua bờ sinh tử". Nhưng câu phổ biến nhất là: "Giới như bộ áo giáp kiên cố để bảo vệ sự tấn công của lục trần". Trong Kinh Pháp Cú này, chúng ta được nghe những lời tán thán rất tuyệt đẹp đối với những người có giới hạnh.

Thầy A Nan nhận thấy có ba loại hương rất ưu việt là hương gỗ chiên đàn, hương rễ cây và hương hoa, cả ba thứ hương đều chỉ bay xuôi theo chiều gió. Thầy muốn biết mùi thơm nào có thể vừa cùng bay xuôi theo chiều gió vừa bay được ngược chiều gió. Đức Phật dạy rằng hương thơm của giới đức là đệ nhất và bay cùng khắp nơi, theo chiều gió cũng như ngược chiều gió:

(Pháp Cú 54)

*Hương thơm hoa quý vườn kia  
Ngược chiều gió thổi dễ gì thoảng bay,  
Hương người đức hạnh thơm thay  
Dù cho ngược gió dâng đầy muôn phương.*

(Pháp Cú 55)

*Muôn hương tỏa ngát thơm tho  
Từ vườn hoa quý, từ hồ sen thanh  
Để chi hơn được hương lành  
Do người đức hạnh lưu danh cho đời.*

Vua Trời Đế Thích, giả làm người thợ dệt nghèo, dâng vật thực đến Đại đức Ca Diếp. Đại đức lúc ấy đang tìm một người thật nghèo để giúp cho người ấy có cơ hội cúng dường ngài. Đức Phật giải thích rằng chính giới đức trong sạch của ngài Ca Diếp là sức hấp dẫn đưa vua Trời Đế Thích đến. Hương trầm, hương lái, hương sen đều là hương tuyệt diệu, nhưng không thể sánh bằng hương người đức hạnh:

(Pháp Cú 56)

*Hương thơm hoa quý thua xa  
Hương người đức hạnh chan hòa vượt trên  
Xông lên mãi tận chư Thiên  
Tỏa ra ngan ngát khắp miền trời cao.*

Người giữ giới, không những chỉ được tán dương là tối thượng mà còn được xem là người có sức mạnh đương đầu với Ác Ma. Hai anh em xuất gia theo Đức Phật. Anh nhiệt tâm tu hành, dứt khoát với mọi ràng buộc ở thế gian. Người em, nhà sư trẻ, kém niềm tin, bắt chước anh đi tu nhưng nghĩ trong lòng là chỉ tu tạm thời rồi sẽ rũ anh bỏ tu. Người em luôn luôn tưởng nhớ đến đục lạc và sau đó sa ngã trước sự khuyến dụ của những bà trước kia là vợ thầy nên cuối

cùng hoàn tục. Đức Phật chê trách kẻ không giữ giới, chi nghĩ đến tận hưởng khoái lạc không kiểm chế tình cảm, ăn uống không tiết độ, biếng nhác thời sẽ bị dục vọng lôi cuốn:

(Pháp Cú 7)

*Ham theo lạc thú nổi trôi  
Giác quan buông thả sống đời mê say  
Uống ăn vô độ hằng ngày  
Lại thêm biếng nhác, chẳng hay chuyên cần  
Con người bị cuốn đến gần  
Ma vương dục vọng ngàn lần hại ta  
Như cơn gió lốc thổi qua  
Cây cảnh nghiêng ngã, lá hoa rơi rời.*

Trái lại, người anh, vị Tỳ kheo lớn tuổi, thì tu hành cố gắng và đặc quả A La Hán. Vợ thầy trước kia hết lòng đưa thầy vào trong vòng truy lạc nhưng đều thất bại. Đức Phật ngợi khen người kiên trì giữ giới, không chủ tâm tìm khoái lạc và biết kiểm soát tình cảm, ăn uống có tiết độ, siêng năng và chuyên cần, dục vọng không dễ gì thắng họ:

(Pháp Cú 8)

*Nhận ra ô uế thân người  
Giác quan kiểm chế, sống đời tịnh yên  
Uống ăn điều độ giữ gìn  
Lại thêm bền vững đức tin, chuyên cần  
Người đâu dễ bị cuốn gần  
Ma vương dục vọng ngàn lần thua ta  
Khắc gì cơn gió thổi qua  
Núi cao, vách đá khó mà lung lay.*

Một trưởng lão thất vọng vì bệnh hoạn khiến cho việc thiền định tu tập bị trở ngại sáu lần. Đến lần thứ bảy ngài quyết tâm thà chết chứ không chịu ngã lòng. Ngài toan tự cắt cổ bằng dao cạo đầu thì chứng đắc được quả vị A La Hán. Sau đó ngài nhập diệt. Ma vương, thể hiện cho dục vọng và sự xấu xa tội lỗi, cố tìm coi ngài tái sinh đi về đâu. Đức Phật ghi nhận rằng Ma vương không thể tìm thấy dấu vết thân thức tái sinh của một vị A La Hán vì vị này đã nhập Niết Bàn. Đức Phật mới nói rằng:

(Pháp Cú 57)

*Ai hằng ngày chẳng buông lung  
Lại thêm giới hạnh vô cùng thanh cao  
Có nguồn trí tuệ đạt dào  
Thân tâm giải thoát há nào sợ chi  
Ma vương dòm ngó dễ gì.*

Và cuối cùng giới còn có khả năng vừa đem đến an vui, sung sướng, hạnh phúc cho người giữ giới, vừa mang lại ánh sáng cho người giữ giới. Người tốt thì danh được vang xa và sẽ tỏ rạng trước mắt mọi người như núi cao hùng vĩ. Còn người xấu xa tội lỗi dù ở gần mọi người nhưng cũng không ai muốn nhìn đến. Con gái của ông trưởng giả Cấp Cô Độc về làm dâu trong một gia đình không theo Phật Giáo. Nhà chồng hay mời đạo sĩ lửa thể về nhà để cúng dường và yêu cầu cô chăm lo dâng cúng các vị đạo sĩ, nhưng cô từ chối vì cho rằng lửa thể là khiếm nhã. Cha chồng nổi giận. Thấy cô ca tụng ân đức của Đức Phật và các vị đệ tử của Ngài, bà mẹ chồng muốn gặp nên bảo nàng thỉnh các Ngài về nhà để cúng dường ngày hôm sau. Cô là một tín nữ có tâm đạo nhiệt thành. Cô đem hương hoa lên lầu cao hướng về nơi Đức Phật an trú để cầu nguyện và cung thỉnh Ngài. Lúc ấy ông Cấp Cô Độc vừa nghe thuyết Pháp xong, cũng thỉnh Đức Phật đến nhà để ông cúng dường. Đức Phật trả lời rằng Ngài đã nhận lời thỉnh

cầu của con gái ông trước rồi. Trường giả Cấp Cô Độc lấy làm ngạc nhiên vì ông đã gả con gái đi lấy chồng xa. Đức Phật mới nói rằng:

(Pháp Cú 304)

*Người lành dầu ở chốn xa  
Vẫn luôn tỏ rạng như là núi cao,  
Còn như người ác lạ sao  
Dù cho kẻ cận ai nào thấy đâu  
Như tên bắn giữa đêm thâu.*

Giới trong giáo lý Phật Giáo, không mang tính cố chấp, cứng nhắc như là giới điều của các tôn giáo khác, mà mang nghĩa tự nguyện, thiết thực đem lại lợi ích cho mình và người, nhằm nuôi dưỡng và phát triển tín tâm của mình và người. Như thế nếu thực hành đúng giới luật tất nhiên thân tâm giải thoát được mọi sự ràng buộc và không sinh khởi ra hành vi trái lẽ phải. Nhờ có sức mạnh của giới học mà có thể vượt trên sự chi phối của ngoại cảnh, của nội tâm, để tìm đến sự thật, để đạt tới chỗ giải thoát chân thật.

Giới như đèn sáng lớn soi sáng đêm tối tăm, như gương báu sáng chiếu rõ tất cả các pháp. Giới là bậc thang đầu của đạo quả giác ngộ, là nền tảng của thiền định và trí tuệ, là ngọc anh lạc đề trang nghiêm pháp thân, là thuyền bè để đưa người qua bể khổ sanh tử, là kho tàng vô lượng công đức.

Giới Luật là tiền đề cho Thiền Định. Từ nơi nếp sống giới đức này, người hành giả không có hối hận nên tâm được hân hoan, nhờ tâm hân hoan, đưa đến hoan hỷ, nhờ tâm hoan hỷ nên thân được khinh an, nhờ thân khinh an đưa đến lạc thọ, nhờ lạc thọ tâm được định tĩnh nhất tâm. Đó là tiến trình từ Giới Luật đưa đến Thiền Định.

## THIỀN ĐỊNH

"*Thiền định*" là do ghép chữ Phạn "Thiền-na" (*Jhana, Dhyana*) với chữ Nho "Định lực". Thiền-na hay định lực hoặc Thiền Định là tu tập bằng phương pháp tập trung tư tưởng, tâm trí vào một đối tượng duy nhất không cho tán loạn, để tâm trí được vắng lặng và mạnh mẽ, hầu quan sát và suy xét một vấn đề cho đến cùng cực và do đó nghiệm ra được chân lý.

Thiền định là sự tập trung tinh thần để thực hiện bốn bậc thiền quán, từ "sơ thiền" đến "tứ thiền". Trong đệ nhất thiền, mọi dục vọng và tư tưởng xấu bị loại trừ, chỉ còn những tình cảm vui tươi, hạnh phúc và những hoạt động của trí tuệ tư duy. Trong đệ nhị thiền, mọi hoạt động của trí tuệ bị loại trừ, tâm hồn trở nên bình thản, hòa lẫn với tình cảm vui tươi và hạnh phúc. Trong đệ tam thiền, tình cảm vui tươi tan biến đi chỉ còn lại trạng thái bình thản hòa lẫn với hạnh phúc. Trong đệ tứ thiền, mọi ý niệm về hạnh phúc và đau khổ không còn nữa, không lạc không khổ, trạng thái bình thản an nhiên thuần túy hoàn toàn phát hiện.

Thiền định là con đường dẫn đến giác ngộ tối thượng cho nên Đức Phật đã dạy các đệ tử rất nhiều phương pháp thiền định qua các kinh. Đức Phật cũng đã tán thán thiền định khá nhiều trong tập Kinh Pháp Cú.

Trước hết, nói về Giới và Định song tu. Truyện tích kể rằng vài thầy Tỳ kheo xuất gia lúc tuổi đã cao, muốn rút vào rừng hành thiền. Đức Phật nhìn thấy mỗi hiểm nguy, khuyên các ông nên mời theo một vị Sa di nhỏ tuổi, đã đắc quả A La Hán. Một đám cướp hay biết có người ở trong khu rừng, đến báo các thầy phải chọn một người để chúng bắt đi giết tế thần. Từ già đến trẻ, tất cả đều tình nguyện hy sinh để cứu mạng những vị khác, nhưng rốt cuộc chính ông Sa di nhỏ tuổi nhất được chấp thuận. Các tên cướp dẫn ông về sào huyệt và chuẩn bị sẵn sàng hành quyết. Vị Sa di ngồi lại, yên lặng nhập đại định. Tên đầu đảng rút gươm, chém hai lần, nhưng cả hai lần đều thất bại. Chúng kinh hồn hoảng sợ, quý xuống đánh lễ ông, nghe ông giảng giáo pháp và xin xuất gia. Vị Sa di làm lễ xuất gia cho mấy tên cướp xong, an toàn trở

về tìm các thầy Tỷ kheo kia và tất cả cùng nhau trở về thuật lại đầu đuôi câu chuyện với Đức Phật. Nhân đó Đức Phật đề cao thiên định và dạy các tên cướp mới xin tu hành này về giá trị của đời sống đạo hạnh “sống ngắn ngủi mà đạo đức quý hơn sống lâu mà buông lung”:

(Pháp Cú 110)

*Cho dù sống đến trăm năm  
Chỉ hay phá giới, không chăm tu thiền  
Chẳng bằng sống một ngày liền  
Mà luôn giữ giới, mà chuyên tu thiền.*

Vào thời Đức Phật tại thế xã hội Ấn Độ được chia thành bốn giai cấp chính. Đầu tiên là giai cấp Bà La Môn. Thứ nhì là giai cấp dòng dõi của vua chúa. Thứ ba là giai cấp buôn bán bình dân. Cuối cùng là giai cấp dân bần hàn, tơi tở lao động. Theo luật và phong tục của thời ấy thì chỉ có ba giai cấp đầu là có quyền đọc kinh, học đạo thôi. Còn giai cấp thứ tư thì không có quyền gì và phải làm nô lệ cho ba giai cấp trên.

Bà La Môn là giai cấp cao nhất và được trọng vọng nhất. Đây là các tu sĩ học hành uyên bác, giới hạnh nghiêm túc. Văn hóa và học thuật của Ấn Độ đều ở trong tay giai cấp này. Tập tục di truyền giai cấp theo huyết thống, cha mẹ thuộc giai cấp nào thì con cháu cũng giữ giai cấp ấy. Nhưng “Đạo Phật là đạo đại bình đẳng” nên Đức Phật muốn bãi bỏ tập tục này. Phật chủ trương phải căn cứ vào tư cách và đạo đức của từng người. Ngài muốn cải cách xã hội, muốn tạo một xã hội công bằng hơn, trong đó mọi người đều có cơ hội vươn lên tùy theo khả năng và đạo đức của mình. Không phải con nhà dòng dõi Bà La Môn là đương nhiên xứng với danh xưng đó mà phải hành thiện và trong sạch. Một người trong giai cấp Bà La Môn nghe thấy Đức Phật thường gọi các đệ tử của Ngài là Bà La Môn. Ông nghĩ rằng ông ta cũng đáng được xưng hô như thế vì ông vốn sinh trưởng trong một gia đình Bà La Môn. Ông đến bạch hỏi Ngài. Ngài giải đáp rằng người ta không trở thành Bà La Môn chỉ vì dòng dõi. Ai tu thiền định, đã thành đạt mục tiêu tối thượng, chứng được quả vị A La Hán, mới xứng đáng được gọi là Bà La Môn:

(Pháp Cú 386)

*Siêng năng ấn dật tu thiền  
Nhiệm ô dứt bỏ, nã phiền buông trôi  
Tu tâm nhiệm vụ xong xuôi  
Mục tiêu tối thượng tuyệt vời đạt nhanh  
Bà La Môn thật xứng danh!*

Đức Phật khuyên chúng sinh phải tự tu tập để giác ngộ, hãy theo đường thiên định. Ngài không giác ngộ giùm ai được. Ngài không độc đoán ép buộc ai bước vào con đường giải thoát này. Phải tự mình thực tiếp hiểu biết và khám phá ra chân lý mới là động lực giúp chúng sinh đủ lòng tin và sự kiên nhẫn để noi theo:

(Pháp Cú 276)

*Các người phải tự gắng công  
Ta là thầy dạy chỉ đường mà thôi  
Con đường giác ngộ tuyệt vời,  
Tự người thiên định theo nơi đúng đường  
Thoát ra khỏi lưới Ma vương.*

Thiên định là một pháp môn nhằm điều phục tâm, huấn luyện tâm, và do vậy nhiều khi chữ “Tâm” được dùng thay cho chữ thiên định. Ở đây chúng ta chứng kiến vai trò quan trọng của sự tu tập, huấn luyện, điều phục tâm trong đời sống của người Phật tử tại gia và xuất gia. Tâm con người thường yếu đuối và vô định, tâm rất khinh động, theo các dục quay cuồng, nhưng điều phục tâm không phải là đơn giản. Ai chế ngự được tâm mình thì mới thoát khỏi vòng trói buộc của dục vọng. Một thiện tín có nhiệt tâm tu học, xuất gia theo Đức Phật, nhưng sớm thấy

ràng đời sống thiêng liêng đạo hạnh rất là khó khăn, vì giới luật quá nhiều. Thầy bắt mãn và có ý muốn hoàn tục. Đức Phật khuyên thầy không nên lo âu vì giới luật nhiều hay ít nữa mà chỉ cần lo một việc mà thôi, đó là hãy kiểm soát và canh phòng tư tưởng, canh chừng cái tâm của mình:

(Pháp Cú 36)

*Tâm phạm phu cứ xoay vần  
Chạy theo dục vọng muốn phần đảo chao  
Tinh vi, khó thấy được nào  
Chỉ riêng người trí lo âu thật tình  
Canh phòng nghiêm ngặt tâm mình  
Cho nên hạnh phúc, an bình mãi thôi.*

Ông cậu xuất gia sống đời thiêng liêng. Cháu còn nhỏ, được nhận vào làm Sa di. Ngày kia có người dâng đến cháu hai bộ y. Cháu dâng lại cậu một bộ, nhưng cậu từ chối, không nhận. Người cháu có ý buồn và, khi đang quạt cho cậu, nảy sinh ra ý nghĩ muốn rời bỏ đời tăng sĩ. Rồi, theo dòng tư tưởng, thầy mơ: "Sẽ bán bớt một bộ y, lấy tiền mua một con dê. Dê dê thành một bầy. Thầy có tiền. Thầy sẽ cưới vợ và có con. Thầy sẽ dắt vợ và con đến chùa lễ cậu. Trên đường đến chùa, bỗng nhiên vợ làm con bị rớt xuống đất. Thầy nổi giận, lấy cây đánh vợ". Vừa quạt vừa mơ như thế, thầy quơ cây quạt nhằm ngay vào đầu ông cậu. Thầy lấy làm hổ thẹn buông cây quạt xuống, bỏ chạy. Cậu chụp cháu lại, đem đến Đức Phật. Nhân cơ hội này, Đức Phật mô tả rằng tâm con người có bản chất vô thường, luôn luôn trôi chảy:

(Pháp Cú 37)

*Tâm phạm phu cứ lao mình  
Âm thầm, đơn độc du hành rất xa  
Nào đâu hình dạng phô ra  
Hang kia ẩn náu thật là thẳm sâu,  
Tâm ai điều phục được mau  
Thoát Ma trôi buộc, lụy đâu dục tình.*

Một tên trộm bị lính giải đi hành hình. Một thiếu phụ gia đình giàu có đem lòng thương, xin tiền cha mẹ để chuộc tội cho hắn và sau này về làm vợ hắn. Hắn không yêu thương gì bà, chỉ muốn tiền của bà. Về sau tên trộm đưa bà đến một đỉnh núi cao, bên bờ vực thẳm, mưu toan cướp giết tất cả nữ trang của bà rồi xô bà luôn xuống hố sâu. Hết lời van lơn nhưng vô hiệu quả, cuối cùng bà xin tên trộm để cho bà lạy một lần chót. Hắn đồng ý. Đứng về phía sau tên trộm bà lừa thế đẩy hắn xuống hố. Về sau bà xuất gia. Sau khi gặp Đại đức Xá Lợi Phất, được nghe Pháp, bà đắc quả A La Hán. Các vị Tỷ kheo thảo luận với nhau không hiểu được tại sao bà đã đánh lừa xô chết một tên cướp và chỉ nghe vài lời của giáo pháp mà đắc được đạo quả A La Hán. Lúc bấy giờ Đức Phật giải thích về hiệu năng của lời "chân lý" và tầm quan trọng của sự tự khắc phục. Chiến thắng nhiều tên trộm chẳng đáng gì so với chiến thắng tên trộm "dục lạc" của chính mình, tự thắng mình là điều đáng phục:

(Pháp Cú 103)

*Thắng ngàn, ngàn địch chiến trường  
Chẳng bằng tự thắng bản thân của mình  
Thắng mình oanh liệt thật tình  
Mới là chiến thắng xứng danh hàng đầu.*

Một Bà La Môn thắc mắc cho là Đức Phật chỉ biết đến "được" chứ không biết đến "mất". Anh ta đi hỏi Ngài. Đức Phật bèn hỏi anh sinh sống thế nào. Anh đáp rằng sống bằng nghề cò bạc mà kết cuộc có lúc ăn lúc thua, lúc thắng lúc bại. Đức Phật giải thích rằng chuyện đó không quan trọng, cái chiến thắng thật sự là tự thắng chính bản thân mình:



(Pháp Cú 104 - 105)

*Những người tự thắng bản thân  
Về vang hơn thắng địch quân hiểm nghèo  
Thắng mình phải tiết chế nhiều  
Bỏ lòng dục vọng, bỏ điều tham lam,  
Dù ma quỷ, hay thiên thần  
Chẳng ai thắng nổi khi cần đua tranh  
Với người tự thắng chính mình.*

Một cậu bé bảy tuổi xuất gia làm Sa di. Ngày kia, theo thầy đi tri binh, cậu để ý thấy những người nông dân dẫn thùy nhập điền, những người thợ chuốt tên, những người thợ mộc đang hành nghề. Cảnh tượng ấy khiến cậu nghĩ đến tiêm nạng hung hậu của con người. Cậu nêu lên nhiều câu hỏi cho ông thầy. Sa di ở ấy tự nghĩ "Những vật vô tri vô giác như nước, như gỗ còn có thể uốn nắn và kiểm soát được, tại sao ta lại không thể kiểm soát được cái tâm của ta?":

(Pháp Cú 145)

*Những người tưới nước chăm lo  
Đào mương dẫn nước vào cho khắp miền,  
Những người thợ vót cung tên  
Cung tên lo uốn triển miên tháng ngày,  
Những người thợ mộc khéo tay  
Xẻ cây, uốn ván thẳng ngay tài tình,  
Còn như người trí tinh anh  
Chăm lo kiểm soát thân mình cho nhanh.*

Sau khi nghĩ vậy, cậu rút vào tịnh thất, chuyên chú hành thiền và đắc quả A La Hán trong lúc chỉ có bảy tuổi. Đức Phật nhân đó đề cao đức tính tự kiểm soát lấy mình, tự điều phục tâm mình.

Thiền định là kỷ luật tâm linh cần thiết cho nên dùng thiền định để chặn giữ, gạt lọc tâm là nền tảng đạo đức, nhằm mang lại hạnh phúc an lạc cho loài người. Chính vì thế, Đức Phật dạy rằng kẻ phóng dật coi như chết, còn người chuyên niệm theo thiền định thời không chết.

Một hoàng hậu có tật ganh tỵ, làm cho một người trong sạch, là một vương phi, mà bà coi là tình địch, bị thiêu đốt đến chết. Khi vua nghe được câu chuyện đau thương ấy thì vua bắt hoàng hậu phải chịu một cực hình còn tệ hại hơn nữa, cũng cho đến chết. Các vị Sư muốn hiểu trong hai bà, ai thật sự chết và ai thật sự còn sống. Đức Phật dạy rằng người tuy còn sống nhưng buông lung, phóng dật, không thận trọng, không giữ tâm chuyên niệm, gây nhiều tội ác như hoàng hậu phải được xem là đã chết. Trái lại người có tâm chú niệm, hiền từ, biết tu tập theo chánh pháp như vương phi thời luôn luôn được coi là sống:

(Pháp Cú 21 - 22)

*Người chuyên niệm, chẳng buông lung  
Coi như sống mãi, thoát vòng tử vong  
Kẻ phóng dật, kẻ buông lung  
Coi như đã bị mệnh chung lâu ngày  
Sống mà như chết nào hay,  
Người hiền trí biết điều này từ lâu  
Cho nên gìn giữ trước sau  
Dám dẫu phóng dật, há nào buông lung  
Luôn luôn cảnh giác vô cùng  
Nhập vào cõi thánh vui mừng, bình an.*

Chính nhờ điều phục tự tâm mà an lạc luôn luôn đến với người thiền định. Ở Ấn Độ, vào một khoảng thời gian nào trong năm, có ngày lễ của kẻ ngu. Chúng trét tro phân đầy mình, đùa

giữ, ăn nói tục tĩu, cộc cằn, với bất luận ai, trong bảy ngày. Vào thời kỳ ấy, Đức Phật và các môn đệ Ngài ở lại trong tự viện. Khi thời gian bảy ngày chấm dứt, những vị thiện tín mang vật thực đến chùa cúng dường, nghĩ rằng chắc các Ngài phải trải qua mấy ngày không vui. Đức Phật dạy rằng kẻ ngu dốt có hành động cuồng dại như thế nào, bậc thiện trí phải luôn luôn giữ tâm chánh niệm, canh giữ tâm niệm như kho tàng vĩ đại nhất:

(Pháp Cú 26)

*Kẻ ngu si bị đắm chìm  
Trong đời phóng dật, trong miền buông lung  
Nhưng người hiền trí tìm đường  
Chăm lo gìn giữ tâm đừng buông lung  
Tựa người bạc bẽ tiền rừng  
Chăm lo báu vật, trông chừng quý kim.*

(Pháp Cú 27)

*Chớ nên chìm đắm xuôi theo  
Buông lung, phóng dật là điều chẳng hay,  
Chớ nên dục lạc mê say  
Hãy nên tỉnh giác tâm này cho mau  
Tu thiền định thật chuyên sâu  
Mới mong phước báu, mới cầu bình an.*

Khi dùng tâm niệm đầy lui phóng dật, người trí thoát khỏi phiền não, vượt lên tận đền đài trí tuệ và nhìn xuống đám người đau khổ, như người khéo trèo núi, lên đến đỉnh tuyệt cao, nhìn trở lại đám vô minh còn ở dưới đất bằng. Vì hai nếp sống khác nhau nên các bậc hiền trí có cái nhìn rất đặc biệt, rất sai khác đối với những kẻ ngu si vô trí. Một lần nọ tôn giả Đại Ca Diếp cố gắng vận dụng thiên nhãn để tìm hiểu lý do sinh và tử của chúng sinh. Đức Phật xuất hiện trước mặt ngài và dạy rằng tôn giả đừng mất thời giờ làm việc đó vì chúng sinh cứ sinh tử rồi lại tử sinh thật là vô lượng đếm sao cho xuê, chỉ có một vị Phật mới thông suốt được toàn thể các kiếp sinh tồn. Chư vị A La Hán, đã thoát khỏi mọi phiền não, dùng nhãn quan siêu phàm của các ngài để từ bi nhìn lại đám đông chúng sinh vô minh còn phải chịu sinh tử triền miên, nghĩa là còn ở trong vòng đau khổ:

(Pháp Cú 28)

*Nhờ trừ được hết buông lung  
Những người hiền trí sẽ không lo gì:  
- Tựa như bậc thánh hiền kia  
Lên đài trí tuệ nhìn về dưới chân  
Thấy bao nhiêu kẻ ngu dần  
Trăm bề đau khổ, bội phần lo âu,  
- Tựa người leo tới núi cao  
Cúi nhìn muôn vật lao xao dưới ghềnh  
Đắm chìm trong chốn vô minh.*

Trong quá khứ xa xôi có một người giàu tinh thần phục vụ xã hội, cùng với một nhóm bạn hữu, đã tận dụng trọn đời sống mình trong công tác từ thiện như đắp đường, xây cầu, cất nhà tạm trú cho khách bộ hành. Bản thân giữ đúng bảy điều giới luật trong suốt đời mình. Sau khi chết, quả lành của hành động thiện đưa vị ấy tái sinh làm vua Trời Đê Thích:

(Pháp Cú 30)

*Nhờ tinh tấn, chẳng buông lung  
Khiến cho Đê Thích thành ông thánh hiền  
Được làm chủ cõi chư thiên  
Muôn người cùng cất tiếng khen ngợi hoài,*

*Kẻ phóng dật bị chê bai  
Mọi người khinh miệt, chẳng ai nể vì.*

Một tăng sĩ vào rừng hành thiền, nhưng thất bại. Thầy đi trở về yết kiến Đức Phật để xin chi dạy thêm. Trên đường đi, thầy gặp một đám lửa rừng to phừng phừng vô tới, thiêu đốt tất cả cây cối lớn nhỏ. Cảnh tượng này thực tình thầy, gợi ý rằng chính thầy cũng phải mạnh dạn và vững vàng tiến lên như đám lửa rừng để thiêu đốt tất cả trôi buộc lớn nhỏ bằng lửa "Bát chánh đạo". Đức Phật đọc tư tưởng thầy và, rải một tia sáng đến, khuyên dạy:

(Pháp Cú 31)

*Tỳ Kheo sợ tính buông lung  
Chuyên tâm chú niệm, dốc lòng chuyên tu  
Tiến mau biết mấy cho vừa  
Đốt tiêu phiền não tựa như lửa hồng,  
Đốt dây to nhỏ chập chùng  
Từ lâu trôi buộc người trong luân hồi.*

Có một tăng sĩ độ lượng, sống thanh đạm và tri túc. Hằng ngày đi khát thực ông thường quay về làng cũ, nơi đây thân nhân của ông đã chờ sẵn để cúng dường vật thực. Ông chẳng ham tham dự các cuộc đại bố thí của trưởng giả Cấp Cô Độc hay của vua Ba Tư Nặc. Các Tỳ kheo khác cho rằng ông chưa cắt đứt được dây luyến ái với gia đình. Đức Phật giải thích rằng sở dĩ vị ấy được như vậy là nhờ trong quá khứ đã có kết hợp chặt chẽ với Ngài và ghi nhận rằng những ai có nếp sống như thầy Tỳ kheo kia là đã đứng trước Niết Bàn:

(Pháp Cú 32)

*Tỳ Kheo sợ tính buông lung  
Chuyên tâm chú niệm, dốc lòng tu thân  
Niết Bàn đã tiến đến gần  
Hố sâu đọa lạc trăm phần thoát qua.*

Một cậu bé phải ngủ một mình dưới gầm xe ở cạnh bãi tha ma vì cha cậu đi tìm bò bị thất lạc, không quay lại kịp. Có con quỷ dữ tới muốn ăn thịt cậu. Cậu vội đọc câu đã quen miệng: "Nam Mô Phật". Quỷ kinh sợ thối lui. Về sau chính con quỷ ấy lại ra tay giúp cậu. Vua nghe câu chuyện, đến hầu Đức Phật và bạch hỏi vậy suy niệm về phẩm hạnh của Phật có đủ oai lực để xua đuổi những âm hồn xấu không. Để giải thích Đức Phật dạy mọi người phải luôn luôn suy niệm để tự giác ngộ và lo tu thiền định:

(Pháp Cú 301)

*Những người đệ tử Phật Đà  
Đêm ngày tỉnh giác để mà nghĩ suy  
Về niềm vui lớn kể chi:  
Lo tu thiền định sớm khuya chuyên cần.*

Vài vị tu sĩ trải qua một thời gian an cư kiết hạ trong một ái trấn ở biên thù và thấy ở đây đời sống thiếu tiện nghi vì mọi người đều phải rợn rợn canh chừng kẻ địch. Khi các thầy trở về bạch lại với Đức Phật, Đức Phật khuyên dạy các thầy nên tự canh phòng thân tâm mình như người ta canh phòng một ái trấn ở biên thù:

(Pháp Cú 315)

*Tựa như thành ở biên cương  
Trong ngoài phòng thủ kỹ càng nghiêm mình  
Ta nên phòng hộ thân mình  
Chớ nên chệnh mảng mặc tình buông lung  
Buông lung nguy hiểm vô cùng  
Đọa đày địa ngục trong chùng phút giây.*

Một nông dân nghèo, chỉ có mảnh vải rách đắp thân và cái cây để đi cày thuê, sống đời cực khổ. Người này xin xuất gia. Đem quần áo cũ và cái cây ra bỏ dưới gốc cây gần chùa. Nhiều lần thầy ấy định hoàn tục, nhưng cuối cùng lấy quần áo rách và cái cây làm đũa, thầy cố gắng hành thiền và đắc quả A La Hán. Giảng về thành quả tốt đẹp của thầy Đức Phật dạy rằng người biết tự điều chế sẽ sống an lạc:

(Pháp Cú 379)

*Tự mình hãy kiểm soát mình  
Tự mình dò xét chân thành bản thân  
Tự mình giác tỉnh canh phòng  
Tỳ Kheo sẽ sống vô cùng an vui.*

Trong sự thực hành thiền định cần phải áp dụng những pháp môn sau đây: Hoặc điều hòa hơi thở, y theo hơi thở ra vào, khiến tâm không loạn động; Hoặc tịnh niệm, giữ niệm cho trong sạch an tĩnh, khiến tâm an trụ vào một niệm thanh tịnh; Hoặc thiền định, dùng sự suy nghĩ mà nghiên cứu, tìm xét cho đến nhất cảnh thanh tịnh. “Định học” đem lại cho tâm trí khỏi tán loạn, tối tăm, trí tuệ được phát triển và năng lực được phát sinh, nếu biết thực hành đúng phương pháp của nó. Và Thiền Định là cơ sở cho Trí Tuệ sinh khởi.

## TRÍ TUỆ

Từ thiền định, người tu tiến dần đến trí tuệ. Mục đích của Đạo Phật là diệt khổ và đem vui cho mọi loài, nhưng phải là người có trí tuệ mới biết được con đường đưa đến an lạc và hạnh phúc, đến bờ giải thoát và giác ngộ. Do vậy vai trò của trí tuệ chiếm cứ vị trí then chốt trong mọi lời dạy của Đức Phật. Chúng ta có thể nói Đạo Phật là đạo của người trí, là đạo của tuệ giác.

Trước hết chúng ta nên phân biệt hai hạng người. Một hạng người rất uyên bác trong Đạo Phật, hiểu biết về kinh điển rất nhiều, nhưng chỉ có nghiên cứu Đạo Phật, không có hành trì. Nói về hành thiền thời rất giỏi nhưng không hành thiền. Trình bày rất hay về diệu dụng của trí tuệ, nhưng không phát triển trí tuệ. Hạng người này chưa được gọi là có trí tuệ. Một hạng người khác, có lòng tin thành, hành trì theo những giới cấm trong Đạo Phật, nhưng chỉ có lòng tin, chưa chuyển lòng tin thành trí, người ấy vẫn có khả năng bị tham sân si chi phối và do vậy, chưa được xem là người có trí tuệ.

"Tuệ" là phân biệt sự, lý, lựa chọn các pháp, dứt sự nghi ngờ, chứng lý chân thật. Tuệ là khả năng khai sáng của tâm trí, quán chiếu sự vật, thể nhập và chứng ngộ chân lý. Tuệ là pháp sáng suốt của tự tâm, luôn luôn thường còn và ai ai cũng sẵn có, chỉ vì mê mờ nên không tự biết, làm cho trí tuệ không được phát triển.

Trong thực tế thời thiền định và trí tuệ không bao giờ rời nhau. Kinh Pháp Cú có nhiều lời vừa đề cao thiền định vừa ca ngợi trí tuệ. Một vị Tỳ kheo đã đắc quả A La Hán trong rừng, đi về viếng Đức Phật. Trên đường về, sau cả ngày đi mỏi mệt, thầy ngồi trên một tảng đá bằng phẳng và nhập định. Cùng đêm ấy, có năm trăm tên cướp vào làng hành nghề xông cũng leo lên tảng đá và, trong bóng tối, thấy vị sư ngồi, ngỡ gốc cây khô, chúng để những đồ đạc đã cướp được ở quanh thầy, có thứ treo lên đầu, lên vai thầy, rồi nằm xuống đá ngủ. Đến sáng sớm thức dậy, chúng mới hay mình lầm, xin sám hối. Được thầy giảng cho nghe về chánh pháp chúng cảm phục và xin xuất gia luôn. Kể đó thầy trò cùng nhau kéo về thăm Đức Phật. Nghe câu chuyện Ngài dạy:

(Pháp Cú 111)

*Cho dù sống đến trăm năm  
Không còn trí tuệ, không chăm tu thiền*

*Chẳng bằng sống một ngày liền  
Mà đầy trí tuệ, mà chuyên tu thiền.*

Một vị Tỳ kheo có tài học rộng, thông suốt giáo pháp, nhưng Đức Phật vẫn gọi là ông thầy "trông rông" để khuyến khích thầy cố gắng đạt đến đạo quả A La Hán. Vị tăng sĩ hiểu ý, rút vào rừng sâu thanh vắng hành thiền. Chấp nhận lời khuyến của một Sa di trẻ tuổi, thầy tinh tấn thực hành thiền định để đắc quả A La Hán. Đức Phật dùng tuệ nhãn thấy vậy, hiện thân đến trước thầy và dạy rằng:

(Pháp Cú 282)

*Tu thiền trí tuệ phát sinh,  
Bỏ thiền trí tuệ rời mình trôi nổi  
Ai mà thông suốt điều này  
Biết so lợi hại, đỡ hay đôi đường  
Tự mình nỗ lực tăng cường  
Thêm phần trí tuệ ngát hương thơm lành.*

Một vị Tỳ kheo ngồi trong giảng đường thuyết Pháp cho mẹ và nhiều người khác nghe. Cùng lúc ấy có bọn cướp cướp xông vào nhà bà mẹ. Tên đầu đảng thì ở lại cạnh bà canh chừng và định tâm sẽ giết bà nếu bà trở về trước khi chúng cướp xong. Người làm trong nhà bà ba lần chạy đến chùa báo tin, nhưng ba lần, bà đuổi người nhà đi, bảo không nên làm rộn bà trong khi nghe Pháp. Tên chúa đảng lấy làm khâm phục tâm đạo của bà, chạy đi tìm các tên đồng bọn đề ra lệnh phải hoàn trả lại tất cả những gì đã lấy. Xong, tất cả đến xin sám hối với bà và đều xin xuất gia. Nhân chuyện này Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 372)

*Khi mà trí tuệ thiếu rồi  
Thời bao thiền định trôi xuôi theo dòng,  
Khi mà thiền định chẳng còn  
Thời bao trí tuệ theo dòng trôi xuôi,  
Ai mà định, tuệ đủ đôi  
Sóng vàng đưa lối kẻ nơi Niết Bàn.*

Theo Kinh Pháp Cú thời những người Phật tử trung kiên đang sống giữa đám chúng sinh mê muội, đã đem trí tuệ soi sáng thế gian, như hoa sen thanh khiết mọc lên giữa đám bùn nhơ. Phật giáo không lên án ai một cách vĩnh viễn, không khi nào cho ai là người phải chịu hư hỏng buông lung mãi mãi, không thể cải hóa, vì tánh cách cao thượng luôn luôn ngủ ngầm bên trong mỗi người, dầu là người thấp hèn cách nào, cũng như hoa sen, từ bùn nhơ nước đục vượt lên nhưng vẫn giữ mình trong sạch và tinh khiết. Một tín đồ của một hệ thống tín ngưỡng lỗi lạc âm mưu thỉnh Đức Phật và các môn đệ của Ngài tới cúng dường với mục đích làm cho mọi người bị sụp vào hầm than hồng đờn ngầm bên dưới và do đó bị hạ nhục. Đức Phật phát giác mưu đồ và cảm hóa kẻ đó rồi kêu kẻ đó đến nghe Pháp. Đức Phật giải thích rằng vì kém trí tuệ nên nhiều người không nhận thức được sự cao thượng của các môn đệ Ngài. Đức Phật so sánh những kẻ ấy với người mù và bậc thiện trí như người có mắt:

(Pháp Cú 58 - 59)

*Như từ trong đồng bùn nhơ  
Bên đường nước đọng, ai ngờ nở ra  
Hoa sen phổ sắc mặn mà  
Tỏa hương thanh khiết gần xa đẹp lòng,  
Khác chi giữa chốn bụi hồng  
Giữa phường mê muội ngập trong não phiền  
Nảy sinh Phật tử trung kiên  
Rạng soi trí tuệ khắp miền nhân gian.*

Một nông dân xuất gia sống đời thiêng liêng vì nghĩ rằng đời sống ở chùa sẽ được dễ dàng hơn. Sau đó, sáu lần thầy hoàn tục và sáu lần đều xin trở lại. Lần thứ bảy trở về nhà khi nhìn thấy hình ảnh vợ anh đang mang thai, nằm ngủ, bụng phình, ngáy ồ ồ, nước dãi chảy, thật là bất tịnh, anh nông dân thật sự nhàm chán thế tục. Anh trở lại chùa và xin xuất gia với những vị tăng sĩ không mấy hoan hi chấp nhận một người đã nhiều lần ra đi và trở lại. Sau cùng, anh được thọ “cụ túc giới” và cố gắng chuyên cần, sớm thành đạt đạo quả A La Hán. Các vị Tỷ kheo đồng môn không tin, bạch với Đức Phật và Ngài giải thích trạng thái "tâm" của anh, trước và sau khi chứng ngộ Niết Bàn:

(Pháp Cú 38)

*Người không an định được tâm  
Không rành chánh pháp, không thông đạo mầu  
Lòng tin lại chẳng bền lâu  
Tất nhiên trí tuệ để đâu hoàn thành.*

Trí tuệ ở đây chính là sự nhìn đúng sự thật của cuộc sống, nhìn đúng sự thật nhân sinh và vũ trụ; nó không bao giờ xem xét sự vật bằng cảm quan, bằng suy lường, bằng cảm nhận; mà nó nhìn sự vật, hiện tượng qua sự thể nghiệm thiền tập và đi vào chánh định, chánh kiến.

Trí tuệ có thể phân tích ra thành ba loại: Trí tuệ phát sinh bằng cách nghe lời dạy của người khác; trí tuệ theo lối hiểu biết phát sinh do sự suy luận; và trí tuệ có được bằng lối thiền định để được khai thông, sáng suốt. Hai loại đầu chỉ cho ta sự sáng suốt về lý luận thế gian. Do hai phương pháp ấy ta chỉ có thể hiểu biết sự vật trong phạm vi mà triết lý có thể thấu hiểu đến như phân biệt thiện, ác; những gì nên làm, những gì không nên làm. Đối với loại thứ ba, nhờ thiền định ta có thể chứng được bằng trực giác những chân lý ngoài phạm vi lý trí. Trạng thái chú tâm vào đề mục thiền định không phải là tâm trạng mơ màng, tiêu cực, mà là một sự nỗ lực, linh động, tích cực. Chính nhờ thiền định ta có thể vượt qua mọi cảnh giới vật chất, nhờ thiền định ta có thể đặt mình vào đời sống kỷ cương, tự kiểm soát thân tâm, tự mình giác ngộ và sáng suốt hoàn toàn. Thiền định là thuốc bổ cho cả tâm lẫn trí. Loại trí tuệ này được Đức Phật tán thán rất nhiều.

Đức Phật khuyên người thiện trí hãy cố thoát ra khỏi thế gian này. Ba mươi vị tỷ kheo đến hầu Phật, nghe Pháp và đắc quả A La Hán cùng các thần thông. Lúc về, các vị đó bay đi. Đại đức A Nan thấy họ vào mà không thấy họ ra và cũng không thấy họ ở đâu hết nên bạch hỏi Đức Phật. Cùng lúc ấy có những con thiên nga đang bay không trung. Đức Phật ghi nhận rằng chư vị A La Hán có năng lực thần thông cũng bay giữa không trung như loài thiên nga:

(Pháp Cú 175)

*Thiên nga tung cánh thành thoi  
Chỉ bay theo hướng mặt trời hừng đông,  
Người quyền phép nhờ thần thông  
Chỉ bay lượn giữa hư không dễ dàng,  
Riêng người trí lớn vô vàn  
Đẹp trì dục vọng Ma quân kia rồi  
Mới bay khỏi thế gian thoi.*

Bậc thiện trí thoát ra khỏi thế gian này nhờ chinh phục được Ma vương dục vọng. Đó là các vị A La Hán, nhập Đại Niết Bàn, thoát được khỏi sinh tử, không còn tái sinh trở lại trên thế gian nữa.

Như vậy, trí tuệ vô lậu khác hẳn với trí tuệ thế gian hay tri thức thế gian. Trí tuệ vô lậu là con đường giải thoát hoàn toàn, là nguồn sống an lạc, hạnh phúc chân thật, mà trí tuệ thế gian chỉ là yếu tố trợ duyên.

Ba công năng chính của trí tuệ như sau:

1. Dứt trừ phiền não: Phiền não là ngọn lửa luôn luôn ngủ ngầm và bốc cháy trong con người chúng ta bất cứ lúc nào. Nó có công năng thiêu đốt mọi hạnh lành, mọi công đức mà chúng ta đã tạo. Phiền não là do mê lầm phát sinh. Khi trí tuệ đã có thì mê lầm phải mất, như khi ánh sáng phát ra thì bóng tối tắt phải tan biến. Mê lầm đã mất thì phiền não tắt không còn phát sinh nữa.

2. Chiếu sáng sự vật: Sự vật bị vô minh che khuất, như màn sương sớm che phủ cảnh vật, như mây phủ che lấp mặt trăng khiến trái đất bị bao trùm trong bóng tối. Nay trí tuệ phát chiếu vào sự vật, chẳng khác gì khi ánh sáng mặt trời lên, thì màn sương ắt phải tan biến, khi mây tan đi thì trăng sáng hiện ra và trái đất lại sáng sủa, lúc bấy giờ thực tướng thực tánh của sự vật được lộ bày như thật. Phật Giáo chỉ sử dụng một lưỡi gương, đó là gương trí tuệ, và chỉ công nhận một kẻ thù, đó là vô minh.

3. Thê nhập chân lý: Khi bị vô minh phủ lấp, ngăn che thì ta với người, ta với vật tương như riêng biệt, sai khác. Nay nhờ trí tuệ soi sáng, thấy rõ được tâm cảnh đều chân không, nên thê nhập được chân lý, giác ngộ hoàn toàn. Phật Giáo xây dựng cuộc sống an lạc, hạnh phúc bằng trí tuệ chứ không phải bằng đức tin.

Trước khi nhập Niết Bàn, Đức Phật cũng đã thiết tha nhắn nhủ rằng: "Trí tuệ là chiếc thuyền kiên cố chờ khỏi biển già, đau, chết; là ngọn đèn lớn chói sáng vô minh hắc ám; là liều thuốc hay chữa hết thầy bệnh tật; là chiếc búa sắt chặt gãy cây phiền não. Vậy các người phải lấy sự nghe, sự suy nghĩ, sự tu tập mà tự tăng ích cho trí tuệ mình".

"Đạo Phật là đạo trí tuệ" vì vị giáo chủ đã tỏ ngộ chân lý tuyệt đối và giảng dạy cho đồ chúng những gì Ngài biết bằng trí tuệ siêu xuất của mình. Nền khoa học cách đây hơn 25 thế kỷ vẫn còn sơ khai, con người chưa có kính hiển vi hay kính viễn vọng, cũng chưa có phi thuyền không gian, thế mà Đức Phật đã biết trong ly nước có vô số vi trùng, trong vũ trụ có hằng sa thế giới. Những lời dạy của Ngài về vũ trụ nhân sinh, cho đến nay vẫn là chân lý. Và khi khoa học càng tiến bộ, càng chứng minh sự đúng đắn của mọi điều Ngài tuyên thuyết trước đây.

## GIỚI, ĐỊNH, TUỆ

Giới Định Tuệ là ba môn học căn bản nhất trong hệ thống giáo dục Phật Giáo. Bởi vì toàn bộ giáo lý Phật Giáo không nằm ngoài phạm vi Giới Định Tuệ. Do vậy, nói học Phật là học Giới Định Tuệ, tu Phật là tu Giới Định Tuệ

Giới, Định và Tuệ, ba môn vô lậu học, chỉ có trong giáo lý của Đức Phật. Ba môn học này giúp cho hành giả vượt khỏi sự trói buộc của phiền não, hoàn toàn tự tại; là phương tiện giúp cho hành giả không bị rơi trong ba cõi Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới, tâm không bị ràng buộc bởi mọi lậu hoặc, không dừng lại ở phước báo nhân thiên.

Trên cơ sở phân tích, có thể nói rằng, từ Giới sinh Định, từ Định phát Tuệ. Nhưng thực ra đây không phải là ba giai đoạn công phu theo thứ tự trước sau mà Giới, Định và Tuệ có mối quan hệ hỗ tương, trùng trùng nhân quả và tương quan mật thiết với nhau như một vòng tròn khép kín, không thể tách rời nhau. Cho nên, Đức Phật đã nhiều lần thuyết pháp với Giới Định Tuệ; cái mà chúng ta cần phát triển gần như đồng bộ tùy theo khả năng từng người.

Truyện tích kể rằng một thanh niên nghèo khổ, chỉ có một bộ đồ rách và một cái tô bẽ, treo tất cả tài sản của mình trên cây, rồi đến chùa xin thọ lễ xuất gia. Sau đó nhiều lần anh hoàn tục, rồi trở lại giáo hội. Cuối cùng, nghĩ tới hoàn cảnh khốn cùng mà anh phải chịu nếu còn hoàn tục nữa, anh gia công hành thiện và đắc quả A La Hán. Đức Phật giảng về tâm bất mãn của anh trước kia và đức chuyên cần sau này. Ngài dạy rằng "Biết tự kiểm chế là khôn ngoan. Hãy nỗ lực sám hối như ngựa đã hay còn thêm roi. Hãy nhiệt tâm chuyên cần với niềm tin chân

chính, trau dồi trí tuệ và đạo đức, thiên định, giữ giới, tri và hành đạo một cách tích cực để tiêu trừ mọi khổ đau”:

(Pháp Cú 144)

*Giống như ngựa giới chạy hăng  
Thêm roi thúc giục lại càng hay hơn  
Người mau giữ giới chuyên cần  
Niềm tin, đạo đức quyết tâm giữ gìn,  
Trau dồi trí tuệ vững bền  
Pháp môn thiên định nên chuyên thực hành  
Theo và hành đạo nhiệt thành  
Để mau tiêu diệt ngọn ngành khổ đau.*

Chỉ nội trong một buổi sáng mà một thiếu phụ mất những người thân yêu gần gũi nhất của bà gồm chồng, hai con, cha mẹ, anh chị em trong một trường hợp vô cùng thảm. Bà phát điên và chạy cùng đường. Đức Phật từ bi an ủi bà và dạy "Trước cái chết, những người thân cũng chẳng thể làm gì để giúp đỡ được. Người hiền trí ngay khi còn khoẻ mạnh, nên giữ gìn giới luật, và dọn dẹp cho thật sạch sẽ các chướng ngại trên con đường đưa tới Niết Bàn”:

(Pháp Cú 288 - 289)

*Từ thân khi đến kêu mình  
Bà con thân thuộc cũng đành bỏ tay  
Cha con tình có tràn đầy  
Để gì giúp được nhau ngay lúc này.  
Khi ta hiểu lẽ trên đây  
Người nào giới hạnh hàng ngày luôn theo  
Lại thêm trí tuệ cao siêu  
Sẽ mau mở lối đi nhiều hương hoa  
Niết Bàn chốn đó tìm qua.*

Tóm lại, chủ đích của Đạo Phật là muốn toàn thể chúng sinh giác ngộ được sự thật, sống theo sự thật, để được tự tại và giải thoát. Nhưng, muốn được thế cần phải lấy sự hành trì làm căn bản, mà nguyên tắc chính của tất cả sự hành trì là Giới, Định và Tuệ. Vậy chúng ta nên đặc biệt chú trọng vào ba môn đó mà thực hành. Vì chỉ có sự thực hành theo đúng nguyên tắc căn bản mới đưa đến mục đích giải thoát và giác ngộ của Đạo Phật. Giới, Định, Tuệ là ba môn học không dời đổi, là chìa khóa mở cửa ngộ Niết Bàn giải thoát.

-ooOoo-

## NGƯỜI NGU VÀ NGƯỜI TRI

### NGƯỜI NGU

Đạo Phật là đạo đối trị với vô minh tức là đối trị với kẻ ngu si, đại khờ, nên Kinh Pháp Cú dành trọn một phẩm để đề cập đến hạng người này.

Truyện tích kể rằng một cô gái rất đẹp và hiền thực, con một thương gia giàu có. Nước da cô như màu hoa sen xanh biếc nên cô có tên là Liên Hoa Sắc. Đến tuổi cập kê có quá nhiều vương tôn công tử đến xin hỏi cưới cô. Cô không ưng ai cả. Xuất gia làm ni cô, tinh tấn tu hành trong một căn lều giữa rừng. Một ngày cô ra khỏi rừng đi vào thành phố khát thực. Một kẻ bất lương vốn là con người cậu của ni cô, đem lòng yêu cô từ khi cô chưa đi tu, hấn lén vào rừng trốn dưới gầm giường. Khi cô trở về hấn hăm hiếp cô. Ngay sau đó khi hấn rời khỏi lều thời mặt đất nứt ra và tên gian ác bị đọa vào địa ngục. Khi nghe câu chuyện, Đức Phật giảng dạy về những phiền não mà kẻ ngu có hành động bất thiện phải gặp:



(Pháp Cú 69)

*Khi mà nghiệp ác chưa thành  
Chưa gây hậu quả thật tình thâm thương  
Người ngu cảm thấy bình thường  
Tưởng như được nếm mật đường ngọt thay,  
Nhưng khi quả báo đọa đầy  
Người ngu chịu khổ, đắng cay nào nề.*

Nhiều người tìm đến tịnh thất của một vị Phật Độc Giác để cúng dường. Họ đi qua lại và giẫm lên đám ruộng của một anh nông dân. Anh can ngăn nhiều lần không được nên tức giận và lên nổi lửa thiêu đốt tịnh thất. Dân chúng đến, không còn thấy vị Phật nữa. Khi hay biết sự thật họ bèn xúm lại đánh anh đến chết. Anh bị đọa vào địa ngục, sau đó tái sinh làm nga quý có hình tướng giống như con rắn. Đức Phật chỉ cho rõ về những quả xấu của hành động bất thiện của kẻ ngu:

(Pháp Cú 71)

*Người ngu nghiệp ác tạo nên  
Nào đâu hậu quả thấy liền nơi đây  
Tựa như sữa chẳng đông ngay,  
Tuy nhiên nghiệp báo đêm ngày ngậm theo  
Giống như ngọn lửa thâm reo  
Trong than hồng ủ dưới nhiều lớp tro.*

Kẻ ngu tham danh nhiều chùng nào càng gặp nhiều nguy hiểm chùng nấy. Một người học trò buông lung hư hỏng theo học nghề bắn đá và sử dụng sai lạc tài nghệ của mình, bắn hòn đá trúng một vị Phật Độc Giác chết ngay tại chỗ. Do nghiệp bất thiện này, anh tái sinh làm nga quý, bị nhiều búa tạ cháy đỏ vung lên và giáng xuống liên tục trên đỉnh đầu. Nhắc đến tài nghệ trong quá khứ của "quý búa tạ" này, Đức Phật ghi nhận rằng chính sự hiểu biết tài giỏi của người học trò buông lung này đã làm hại anh:

(Pháp Cú 72)

*Chút tài mọn, chút hư danh  
Dù thêm vào được cho mình nay mai  
Người ngu vẫn tự hại đời  
Tự đưa mình tới cuối trời diệt vong  
Để rồi hạnh phúc chẳng còn  
Tiêu tan đầu não, héo hon trí người.*

Vì là ngu si vô trí, không biết phân biệt chính, tà, chân, nguỵ, nên kẻ ngu hay lựa chọn những pháp môn sai lầm để hành trì. Ta không lạ gì nếu thấy kẻ ngu thường chọn cách tu trì theo khổ hạnh. Một đạo sĩ tu khổ hạnh ở gần một ngôi làng và được một gia đình thường cúng dường thức ăn. Gần lều của thầy có một ngọn đồi và một con kỳ đà chúa sống ở đó. Nó thường viếng thầy và rất kính trọng thầy. Nhưng một hôm thầy mưu toan giết con kỳ đà. Thầy bèn giấu một cây gậy trong áo, đến gần đồi cát và giã vờ ngủ. Khi con kỳ đà đến gần thầy định giết nhưng kỳ đà chạy thoát. Đức Phật dạy "Hãy thanh tịnh và trong sạch bên trong. Còn như dung mạo bên ngoài chỉ là trang điểm sưng":

(Pháp Cú 394)

*Kẻ ngu bện tóc trên đầu  
Da dẻ may áo mặc đầu ích gì,  
Lòng đầy tham dục chưa lìa  
Điểm trang ngoài mặt làm chi cho thừa.*

Chính kẻ ngu, vì ngu si khờ dại, vì sai lầm mà miệt thị giáo pháp, khinh miệt chư vị hiền thánh, khinh miệt người hành đạo, và do vậy sẽ tự đưa mình đến chỗ hoại vong. Một bà thí

chủ thường giúp đỡ một thầy tu. Sau khi thấy người ta tán tụng Đức Phật bà cũng muốn đến nghe Ngài thuyết Pháp. Thầy tu ganh tị, sợ bà sẽ không giúp ông nữa nên ông thuyết phục bà không nên đi nghe. Không làm theo lời ông, bà tin nữ đến hầu Phật. Thấy vậy, thầy cũng đến bạch với Đức Phật rằng bà này không hiểu nói chánh pháp. Thầy xin Đức Phật đổi đề tài và chỉ giảng về đức bố thí và trì giới mà thôi. Biết rõ ý định không tốt của thầy, Đức Phật dạy "Những người khờ dại, vì sai lầm mà phi báng giáo pháp của chư Phật, khinh miệt chửi vị hiền thánh, khinh miệt người hành đạo và như thế chỉ tự làm tổn hại mình, tự đưa mình đến chỗ hoại vong mà thôi":

(Pháp Cú 164)

*Đám người khờ dại, ngu si  
Vì nhìn sai lạc, khinh khi đạo mẫu  
Khinh khi giáo pháp thâm sâu  
Nhạo người chánh đạo từ lâu tu hành,  
Đám này rước khổ vào mình  
Giống cây lau nọ khi sinh quả rồi  
Sẽ liền tự diệt mà thôi.*

Và cũng vì ngu si, kẻ vô trí làm hại các người hiền thiện. Nhưng hại người không đến đâu, trở lại mình bị hại. Truyền tích kể rằng người thợ săn kia vào rừng với bầy chó. Trên đường đi, anh gặp một tăng sĩ. Trọn suốt buổi anh không săn được gì. Lúc trở về, anh gặp lại thầy. Nghĩ rằng vì gặp thầy nên không săn được thịt, anh nổi giận xua chó vồ cắn thầy. Thầy hoảng sợ, trèo lên cây thoát thân. Tên thợ săn chưa đã nư giận, bắn một mũi tên trúng vào gót chân thầy. Thầy bị quá đau, loay hoay làm rơi cái y xuống. Cái y trùm lên mình tên thợ săn. Đoàn chó dữ thấy có người lúng túng trong cái y, ngỡ rằng vị tăng sĩ từ trên cây đã rơi xuống đây nên áp lại cắn tên thợ săn đến chết. Thầy thoát nạn trở về hầu Phật và thắc mắc không biết hành động như vậy thầy có tạo ác nghiệp hay không. Đức Phật rọi sáng cho biết là thầy "vô tội" và mô tả hậu quả xấu càng tăng trưởng thêm của kẻ nhẫn tâm gây tổn hại cho người khác. "Làm hại người hiền lương vô tội thời quả dữ của việc ấy sẽ quay lại với người làm ác":

(Pháp Cú 125)

*Khi mà kẻ ác hại người  
Tâm tư trong sạch, cuộc đời hiền lương,  
Ác kia trở lại thâm thương  
Gây cho kẻ ác trăm đường khổ thay  
Tựa như ngược gió vung tay  
Tung ra bụi bẩn, bụi bay lại mình.*

Người ngu si, vì thiếu hiểu biết, nên đã biến "tự ngã", biến sự ngu dốt của mình thành ra kẻ thù gây đau khổ cho chính mình. Ngày kia, có một người mang bệnh cùi, người đó đến nghe Pháp và đắc quả Dự Lưu. Bất hạnh thay, lúc trở về, người ấy bị một con bò cái hung hăng húc vào người và ngã ra chết. Đức Phật giải thích rằng vị ấy phải mang bệnh cùi vì trong một tiền kiếp đã có lần nhỏ nước miếng vào một vị Phật Độc Giác. Và vị ấy bị bò húc chết vì trong một tiền kiếp khác đã giết một cô gái giang hồ, nay cô đầu thai thành con bò này húc vị đó để trả thù:

(Pháp Cú 66)

*Những người ngu dại, u mê  
Thiếu phân trí tuệ, thiếu bề tinh anh  
Tự mình lại biến chính mình  
Thành ra thù địch quản quanh theo hoài  
Tạo muôn nghiệp ác nào hay  
Chuồn vào hậu quả đáng cay sau này.*

Hai người bạn chuyên làm nghề móc túi, một hôm cùng đi nghe thuyết Pháp. Sau khi chăm chú nghe, một người đắc quả Dự Lưu. Trong lúc ấy người kia chỉ lo ăn cắp tiền của các Phật tử. Khi về nhà, vợ chồng người ăn cắp thời có đồ ăn ngon lành và chê người bạn kia không khôn ngoan, không biết lợi dụng thời cơ để kiếm chút gì nuôi thân. Khi hay được câu chuyện, Đức Phật giải thích sự khác biệt giữa người cuồng dại với người trí và dạy rằng thật không gì nguy hiểm bằng, khi người ngu tưởng rằng mình có trí:

(Pháp Cú 63)

*Người ngu tự biết mình ngu  
Thế là có trí, người xưa dạy rồi,  
Ngu mà cứ tưởng khôn thôi  
Mới là một kẻ muốn đời thật ngu.*

Một Đại đức có tính hay khoe khoang, muốn được mọi người khen tặng mình là người thông hiểu rành rẽ về chánh pháp nên thường hay leo ngai trên Pháp tọa. Các vị Tỷ kheo khác một hôm đến viếng chùa thấy vậy lầm tưởng rằng thầy thông suốt giáo pháp, đến nhờ thầy giảng, mới biết thầy không thông. Câu chuyện được bạch với Đức Phật, Đức Phật giảng về thái độ của người cuồng dại, dầu suốt đời sống chung với người trí, vẫn không thông hiểu giáo pháp, cũng như cái muỗng, dầu nằm trọn vẹn trong nồi canh, vẫn không thường thức được hương vị của canh:

(Pháp Cú 64)

*Người ngu suốt cả một đời  
Gần bên người trí cũng hoài công thôi  
Hiểu đâu chánh pháp cao vời,  
Như thìa, như muỗng múc nồi canh kia  
Múc hoài từ sáng tới khuya  
Vị canh ngon ngọt hương gì được đâu.*

Đức Phật khuyên chúng ta nên sống một mình cô độc, còn hơn là bạn với kẻ ngu. Có lần các Tỷ kheo chia làm hai nhóm tranh cãi ồn ào mãi. Đức Phật ngăn cản chẳng được. Ngài bỏ đi sống một mình giữa rừng, có con voi chúa phục vụ. Khi có người thắc mắc cho rằng chắc Ngài bị vất vả nhiều, Đức Phật dạy "Thà ở riêng một mình còn hơn kết bạn cùng người ngu dân. Ở một mình rảnh rang, khỏi phiền não":

(Pháp Cú 330)

*Thà ta cứ ở một mình  
Còn hơn có bạn đồng hành ngu si,  
Mình ta rong ruổi bước đi  
Tránh làm điều ác có chi phiền lòng,  
Như voi kia sống thong dong  
Một mình thanh thản ở trong rừng già.*

Tôn giả Đại Ca Diếp có hai người học trò. Một người kính cẩn, lễ độ. Người kia không nghe lời răn dạy, lại hay tỏ ra bất mãn. Người học trò xấu một hôm đến nhà một tín nữ nói dối là thầy bị bệnh. Tín nữ dâng cúng thực phẩm ngon nhờ mang về cho thầy. Dọc đường trò ăn hết cả. Khi bị thầy quở rầy thời trò không vui, nổi lửa đốt tịnh thất của thầy và bỏ trốn. Đức Phật nghe thuật lại chuyện, dạy rằng nên sống đơn độc còn hơn kết hợp với người điên khùng, cuồng dại. Vì lòng từ bi, vì thương họ, ta có thể đến gần người cuồng dại để hỗ trợ, nâng đỡ, giúp cho họ sáng suốt hơn, nhưng không nên để cái cuồng dại của họ nhiễm ta:

(Pháp Cú 61)

*Khi cùng sánh bước đường đời  
Nếu không tìm được một người so ra  
Hơn ta hay chi bằng ta*

*Một mình rong ruổi thế mà lại hay,  
Gặp người ngu muội phiền thay  
Chớ nên kết bạn có ngày khổ đau.*

## NGƯỜI TRÍ

Đối diện với kẻ ngu là bậc trí và cả một phẩm để dành nói đến bậc trí trong bộ Kinh Pháp Cú. Người trí ưa thích im lặng như biển lớn, như cái gì đầy tràn, như ao đầy nước, còn kẻ ngu thì ồn ào như khe núi, như cái gì trống rỗng, như ghè voi nước. Chúng ta sẽ thấy thật không dễ gì được gặp bậc hiền trí, và chỗ nào bậc hiền trí sinh, chỗ ấy được an lạc. Đại đức A Nan bạch hỏi Đức Phật những nhân vật cao quý, vĩ đại như thánh nhân đản sinh ở nơi nào. Để giải đáp, Đức Phật dạy "Rất khó gặp được bậc thánh nhân trí tuệ cao siêu vì người như thế rất ít. Nơi nào có người trí tuệ cao siêu ra đời thì gia tộc đó được phúc báu và hạnh phúc":

(Pháp Cú 193)

*Khó mà gặp được thánh nhân  
Là người trí tuệ muốn phần cao siêu  
Người như vậy chẳng có nhiều,  
Chỗ nào kẻ trí sớm chiêu sinh ra  
Gia đình hạnh phúc chan hòa.*

Người trí được ví như con ngựa phi nước đại, bỏ lại sau con ngựa yếu đuối hèn kém để nêu rõ hạnh tinh cần và sự tinh thức của người trí giữa các người phóng dật, u mê. Hai Tý kheo rút vào rừng hành thiền. Một vị kiên trì chuyên chú nên chẳng bao lâu chứng đắc được quả La Hán. Vị kia thì phóng dật, chỉ ngồi sưởi, tán chuyện rồi lăn ra ngủ. Đức Phật ca ngợi vị sống tinh cần chánh niệm:

(Pháp Cú 29)

*Giữ cho tinh tấn trong lòng  
Giữa bao nhiêu kẻ buông lung tràn trẻ  
Giữ cho tinh táo mọi bề  
Giữa bao nhiêu kẻ ngu mê li bì  
Kìa trông kẻ trí khác gì  
Như con tuấn mã phóng đi hào hùng  
Phía sau bỏ lại trên đường  
Ngựa gầy hèn yếu nào nùng lết theo.*

Kẻ trí thấy rõ cần phải nhiếp phục tự thân. Một cậu bé bảy tuổi xuất gia làm Sa di. Ngày kia, khi đi theo thầy cậu để ý thấy những người nông dân dẫn thủy nhập điền, những người thợ chèo tên, những người thợ mộc đang đẽo gỗ làm bánh xe. Cậu tự nghĩ: "Những vật vô tri vô giác như nước, như gỗ còn có thể uốn nắn và kiểm soát được, tại sao ta lại không thể thuần hóa được cái thân của ta?". Nghĩ vậy, cậu rút vào tịnh thất, chuyên chú hành thiền và đắc quả A La Hán trong lúc chỉ có bảy tuổi. Đức Phật nhân đó dạy:

(Pháp Cú 80)

*Những người tưới nước chăm lo  
Đào mương dẫn nước vào cho khắp miền,  
Những người thợ vót cung tên  
Cung tên lo uốn triển miên thẳng ngay,  
Những người thợ mộc khéo tay  
Xẻ cây, uốn ván thẳng ngay tài tình,  
Còn như người trí tinh anh  
Chăm lo thuần hóa thân mình cho nhanh.*

Nói cho rõ hơn, người trí có một lựa chọn dứt khoát giữa thiện và bất thiện, giữa trạng thái sáng sủa và trạng thái tối tăm. Đứng trước lạc khổ ở đời, người hiền trí đã vượt lên trên mọi xúc động nên không cảm thấy vui buồn.

Người trí chỉ giáo hoá người khác khi tự mình đã có một vị trí thích đáng. Một Tỳ kheo vốn có tài hùng biện nhưng tham lam. Thầy đi từ chùa này sang chùa khác thuyết Pháp và tham lam thu góp tất cả những vật cúng dường. Ngày kia có hai vị sư trẻ tuổi không thể thỏa thuận với nhau để chia hai bộ y và một cái mền gấm. Thầy tham lam giảng hòa hai đảng bằng cách chia cho mỗi vị một bộ y, còn cái mền thì về phần thầy. Câu chuyện đến tai Đức Phật. Nhân cơ hội, Đức Phật giảng về bốn phận của ông thầy trước hết là phải làm gương và người trí như thế thời sẽ không bị kẻ khác khiển trách. "Trước hết phải tự đặt mình vào con đường Chánh Đạo rồi sau mới chỉ bảo dạy dỗ người khác":

(Pháp Cú 158)

*Đầu tiên hãy tự đặt mình  
Vào đường chân chính quang minh rạng ngời  
Về sau mới giáo hóa người,  
Kẻ hiền, kẻ trí luôn noi gương này  
Nào ai chê trách nữa đây.*

Thần thông là năng lực tinh thần. Do nhờ sự phát triển tinh thần đầy đủ, hành giả có thể bay trên không trung, đi trên mặt nước, chui xuống lòng đất v.v... Những loại năng lực ấy thuộc về tâm linh và phi thường nhưng không phải là phép lạ. Còn bay khỏi thế gian là các vị A La Hán, nhập Đại Niết Bàn, không còn tái sinh trở lại trên thế gian này.

Đại đức Xa Nặc, trước kia là người đánh xe cho thái tử Tất Đạt Đa, thầy tỏ ra thật kỳ khôi, khó dạy. Thầy thường tự hào rằng mình là người duy nhất thân cận bên Phật ngay từ buổi đầu khi Phật còn là thái tử nên thầy hay ganh tị với địa vị ngày nay của hai vị đại đệ tử của Đức Phật là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên. Thầy thường lên tiếng chê bai hai vị này. Ba lần Đức Phật khuyên dạy thầy về sự lợi ích có bạn tốt và lưu ý rằng hai vị đại đệ tử từ là bạn tốt nhất của thầy. Thầy không nghe lời. Đến khi Đức Phật nhập diệt, thầy hối hận quá mới đến sám hối với hai vị đại đệ tử trên. Sau này thầy tinh tấn tu hành và đắc quả A La Hán. Người trí thường sáng suốt và có hạnh tuyệt diệu, nên Đức Phật khuyên chúng ta nên thân cận kẻ trí hơn kết bạn với kẻ ngu:

(Pháp Cú 78)

*Người gian ác, kẻ tiểu nhân  
Chớ nên làm bạn, kết thân với mình  
Chỉ nên kết bạn người lành  
Tác phong quân tử, tình tình thanh cao.*

Có lần chư Tăng chia làm hai nhóm tranh cãi nhau náo động. Đức Phật khuyên giải không được. Ngài vào sống một mình ở giữa rừng để nhập hạ. Trong đây có một con voi chúa tới hầu hạ Ngài chu đáo. Sau mùa an cư tôn giả A Nan dắt năm trăm Tỳ kheo vào rừng thỉnh Đức Phật trở về tịnh xá. Luận về đời sống cô đơn của Ngài trong thời gian qua Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 329)

*Nếu không gặp bạn đồng hành  
Hiền lương, trí tuệ cùng mình đi xa  
Ta nên sống một mình ta  
Như vua lánh khỏi nước nhà bại vong,  
Như voi kia sống thong dong  
Một mình thanh thản ở trong rừng già.*

Chung sống với người ngu, chung sống với người trí là cả một sự mâu thuẫn thái cực. Một lần nọ Đức Phật lâm bệnh, vua Trời Đế Thích biến ra hình người đến hầu và săn sóc Ngài. Các vị Tỷ kheo lấy làm ngạc nhiên trước cử chỉ gương mẫu của vua Trời Đế Thích. Lúc ấy Đức Phật dạy nên gần bên người trí vì chẳng khác nào gặp được bà con thân thuộc:

(Pháp Cú 207)

*Sống chung, thân cận người ngu  
Lúc nào cũng thấy buồn lo phập phồng,  
Khổ thay gần kẻ ngu đần  
Khác nào sống cạnh địch quân hiểm nghèo,  
Sống cùng người trí lành nhiều  
Vui như bên kẻ thân yêu, họ hàng.*

Cho nên khi gặp được người hiền trí hoặc người thông minh, kiên nhẫn, giới hạnh trang nghiêm và các bậc thánh nhân, ta nên kết hợp với họ:

(Pháp Cú 208)

*Đúng như vậy! Thật rõ ràng:  
Nếu gần gũi được những hàng thánh nhân,  
Người hiền trí, người đa văn  
Những người trí giới thành tâm, kiên trì  
Nên theo gót họ mọi bề  
Như trăng theo mãi đường đi sao trời.*

Người trí biết nhận chân giá trị của giáo pháp. Ba mươi thanh niên được nghe giáo pháp liền đắc quả A La Hán. Từ cuộc sống truy lạc chỉ theo đuổi các thú vui nhục dục họ đã đổi thành đức hạnh. Đức Phật đề cập đến sự chứng ngộ mau lẹ ấy và giải thích rằng các vị này vốn đã là những người thông minh xuất chúng, dù chỉ sống chung với bậc trí tuệ trong chốc lát cũng hiểu ngay được chánh pháp:

(Pháp Cú 65)

*Người thông minh dễ dàng thay  
Gần người trí tuệ hiểu ngay đạo mau  
Hiểu ngay chánh pháp thâm sâu  
Khác chi cái lưỡi ném vào canh kia  
Biết ngay hương vị khó chi.*

Vua Ba Tư Nặc tiêu xài tiền của thật nhiều để cúng dường Đức Phật và chư Tăng. Trong triều đình có một vị đại thần không vui vì cho như thế là hoang phí, nhưng một vị khác lại lấy làm hoan hỉ. Xét về hai thái độ khác nhau ấy Đức Phật giảng cho vua nghe rằng:

(Pháp Cú 177)

*Những người keo kiệt ở đời  
Sinh đầu vào được cõi trời mai sau  
Những người ngu muội dài lâu  
Ghét lời bố thí, ghét cầu cúng dường,  
Chỉ riêng người trí tìm đường  
Mở tâm quảng đại cúng dường lòng vui  
Đời sau an lạc mãi thôi.*

Kẻ trí và người ngu nhìn đời có khác nhau. Người thiện trí không luyến ái trần thế tức là cái thế xác ngũ uẩn này, cái thân tâm này. Một hoàng tử lấy làm sầu muộn khi hay tin người vũ nữ thường ca múa giúp vui cho ông vừa chết. Hoàng tử đến hầu Phật để tìm nguồn an ủi. Đức Phật khuyên giải ông và dạy rằng chi người cuồng dại mới say đắm mà lặn ngụp trong thế gian:

(Pháp Cú 171)  
*Dù nhìn trần thế của ta  
Xa hoa lộng lẫy như là xe vua  
Kẻ cuồng dại mới thích ưa  
Mới mong tham đắm mê mờ ngu si  
Còn như người trí thiết chi  
Có đầu huyền ái, dễ gì bận tâm.*

-ooOoo-

## TAM QUY VÀ NGŨ GIỚI

### TAM QUY

Muốn tu học theo Đạo Phật, muốn trở thành Phật tử thời chính bản thân mình phải có chí muốn thành Phật và tự nguyện sẽ thành Phật, vì biết mình có sẵn Phật tánh nên tự tin là mình sẽ thành Phật. Ai tu cũng được cả, dù giàu sang hay nghèo hèn, dù thông minh hay dốt nát, dù già hay trẻ. Tu càng sớm càng hay. Tu chỉ có nghĩa là "sửa đổi", sửa xấu thành đẹp, sửa ác thành hiền, sửa si mê thành giác ngộ... Tu ở nhà, tu ngoài xã hội, tu ở chùa, nơi đâu cũng được.

Muốn tu đạo Phật thời bước đầu tiên trong con đường tu tập là "Quy Y". Quy là trở về. Y là nương tựa. Quy y là sự trở về để nương tựa. Có tất cả ba sự trở về nên gọi là "Tam Quy". Đó là quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng.

Phật, Pháp, Tăng là ba thứ tôn quý nhất của người Phật tử, cho nên gọi là "Tam Bảo". Bảo là quý. Công việc đầu tiên của người bước vào Đạo Phật là "Quy Y Tam Bảo", nghĩa là đến chùa, xin làm lễ được nhận vào hàng đệ tử của Phật, và xin chư Tăng truyền giới cho.

Giáo chủ một đạo khác chuyên tu khổ hạnh, dạy đệ tử tìm nương tựa nơi núi, rừng v.v... để thoát khỏi đau khổ. Đức Phật khuyên rằng vì sợ hãi mà đến quy y thần núi, quy y thần rừng và tại các đền miếu thời đó không phải là chỗ quy y tối thượng, không phải là chỗ nương tựa an toàn. Quy y như thế khổ não vẫn còn nguyên. Trái lại người đi tìm quy y Phật, Pháp, Tăng, được mở trí tuệ để hiểu rõ "Bốn điều chân lý nhiệm mầu" (Tứ Diệu Đế), hiểu biết "Tam con đường chân chính phải theo" (Bát Chánh Đạo) để thoát khỏi mọi điều đau khổ. Quy y như vậy mới hồng được giải thoát:

(Pháp Cú 188 - 192)  
*Loài người hãi sợ kinh hoàng  
Nên tìm nhiều chỗ vội vàng quy y  
Thánh thần núi nọ, rừng kia  
Hoặc nơi cây cối, tháp bia, miếu đền  
Nào đâu nương tựa được yên  
Quy y như vậy nào phiền còn vương,  
Nếu quy y Phật, Pháp, Tăng  
Riêng phần trí tuệ vinh thắng nhiệm mầu  
Hiểu ra Tứ Đế thâm sâu:  
Biết rằng trần thế khổ đau là gì,  
Hiểu ra nguồn gốc khổ kia,  
Biết đường diệt hết khổ đi là rồi  
Biết Bát Chánh Đạo tuyệt vời  
Tam đường chân chính con người nên theo  
Quy y chỗ đó cao siêu  
An toàn, giải thoát trăm điều khổ đau.*

1. Chúng sinh cần trở về để nương tựa vào Đức Phật. Con người trước khi được nghe Phật Pháp, sống trong cảnh mê lầm, như người lạc đường trong đêm tối. Muốn ra ngoài ánh sáng và đi cho đúng đường, cần phải đổi hướng, quay đầu theo sự chỉ dẫn của Phật, xem đó là vị đạo sư. Đức Phật là ông thầy cao quý nhất đã vạch ra con đường giải thoát. Đây là "*Quy Y Phật*", còn gọi là "*Nam Mô Phật*". Nam Mô Phật thường được nói tắt thành "*Mô Phật*". Nam Mô Phật là nói theo tiếng Phạn, có nghĩa là "Chỉ tâm đánh lễ Đức Phật".

Ta chính thức trở thành Phật tử sau khi thọ lễ quy y Tam Bảo. Người Phật tử quy y, hay tìm nương tựa nơi Đức Phật, không phải để cầu xin hay hy vọng được chính Ngài ra tay giải thoát giúp mình. Niềm tin mà người Phật tử trọn vẹn đặt vào Đức Phật giống như niềm tin của người bệnh đặt vào danh y, hay của trò đặt vào nơi thầy. Ta phải thường xuyên suy niệm về Phật, suy niệm về các phẩm hạnh của Phật:

(Pháp Cú 296)  
*Những người đệ tử Phật Đà  
Đêm ngày tỉnh giác để mà nghĩ suy  
Nghĩ về Đức Phật từ bi  
Một lòng tưởng niệm sớm khuya chuyên cần.*

2. Đã quay về với ánh sáng của Phật thì phải tuân theo lời giảng dạy của Phật, nghe giáo lý của Phật. Giáo Pháp là con đường duy nhất. Đây là "*Quy Y Pháp*". Thường xuyên suy niệm về chánh pháp, suy niệm về đặc tính của chánh pháp, tức là những lời giáo huấn của Phật:

(Pháp Cú 297)  
*Những người đệ tử Phật Đà  
Đêm ngày tỉnh giác để mà nghĩ suy  
Nghĩ về Chánh Pháp từ bi  
Một lòng tưởng niệm sớm khuya chuyên cần.*

3. Khi Đức Phật còn tại thế thì nghe lời giảng của Đức Phật. Khi Đức Phật đã tịch diệt thì nghe lời giảng của chư Tăng. Tăng là các vị Sư, những người đã xuất gia tu tập, hy sinh đời riêng để làm sứ mạng giữ gìn giáo pháp và tuyên dương giảng dạy giáo lý cho người khác. "Tăng Già" là đoàn thể tu sĩ Phật Giáo, đại diện cho các vị Thánh văn đã theo đúng con đường và trở thành những gương sống. Khi "*Quy Y Tăng*" ta cần thường xuyên suy niệm về Tăng Già, suy niệm về phẩm hạnh của giáo hội Tăng Già, giáo hội cao quý của chư đệ tử Phật:

(Pháp Cú 298)  
*Những người đệ tử Phật Đà  
Đêm ngày tỉnh giác để mà nghĩ suy  
Nghĩ về Giáo Hội từ bi  
Chư Tăng hòa hợp sớm khuya tu hành.*

## NGŨ GIỚI

Bước thứ nhì sau khi làm lễ quy y là giữ giới, nghĩa là tuân theo những lời răn cấm của Đức Phật dạy, mà chư Tăng đã truyền giảng sau khi làm lễ quy y. Có tất cả năm điều răn cấm, gọi là năm giới hay "*Ngũ Giới*". Người phát tâm quy y Tam Bảo là đã bước chân lên nấc thang giải thoát, nhưng nếu không giữ ngũ giới là chỉ mới bước một nấc đầu rồi dừng lại. Năm giới không những đưa người mạnh tiến trên đường giải thoát, mà còn đem lại trật tự, an vui, hòa bình cho gia đình, quốc gia, xã hội nữa. Ngũ giới chính là giềng mối chắc thật tạo hạnh phúc cho cá nhân và đoàn thể.

Đối với người tại gia, Đức Phật khuyên giữ năm giới. Năm giới đó là: "*không sát sinh, không nói dối, không trộm cắp, không tà dâm và không uống rượu say sưa*". Những ai phạm năm



giới này là tự đào bỏ mắt thiện căn của mình, bỏ mắt đi cái gốc lành, rồi tự đào hố chôn sâu gốc rễ của mình vào vòng trầm luân, bám chặt, dính mắc vào kiếp sống sinh tử luân hồi, không bao giờ thoát ra khỏi thế gian đầy đau khổ này. Đức Phật dạy chúng ta nên cố tránh những hành động tạo nghiệp bất thiện kể trên. Nhân có nhiều thiện tín than phiền rằng thật là khó giữ tròn năm giới, vì mỗi người có một hay hai giới không giữ được. Nghe câu chuyện, Đức Phật dạy rằng không giới nào kém quan trọng hơn giới nào. Tất cả các giới đều khó giữ, nhưng phải giữ cho thật đầy đủ thì mới được giải thoát:

(Pháp Cú 246 - 247)

*Ai mà có thói sát sinh  
Nói năng gian dối, tính tình tà dâm  
Say sưa, trộm cắp, hư thân  
Sống đời như thế trầm luân vô vàn  
Coi như ngay cõi nhân gian  
Tự đào bỏ mắt thiện căn của mình.*

1. Không sát sinh tức là không được giết hại, không được làm tổn hại đến đời sống của người và sinh vật. Phải có lòng từ bi thương hết mọi loài.

Một nhóm "sáu vị tỷ kheo" ý mình cao tuổi đạo nên tranh chấp giành chỗ ở, tấn công một nhóm khác gồm "mười bảy vị", Đức Phật hay được câu chuyện, cho ban hành giới luật có liên quan đến việc cấm hành hung hoặc sát hại kẻ khác vì ai cũng sợ hình phạt và đều quý trọng đời sống:

(Pháp Cú 129)

*Sợ thay gây gộc, gươm đao  
Sợ tay thân chết hại bao cuộc đời  
Suy lòng mình ra lòng người  
Chớ nên giết hại hoặc xui giết người.*

(Pháp Cú 130)

*Sợ thay gây gộc, gươm đao  
Yêu thương mầm sống, khát khao cuộc đời  
Suy lòng mình ra lòng người  
Chớ nên giết hại hoặc xui giết người.*

Thứ nhất không sát sinh là tôn trọng sự công bằng. Chúng ta, ai cũng coi sinh mạng của mình là quý. Tất cả loài vật đều quý thân mạng của chúng như chúng ta và cũng biết đau khổ như người. Thứ hai, không sát sinh là tôn trọng Phật tánh bình đẳng. Chúng ta mỗi loài tuy thân hình khác nhau, mà vẫn đồng một Phật tánh. Sát hại một sinh vật là sát hại Phật tánh. Thứ ba không sát sinh là nuôi dưỡng lòng từ bi. Từ bi là tình thương hoàn toàn vị tha. Đây là một trong những yếu tố cốt tủy của Phật Giáo.

Đang đi khất thực Đức Phật thấy một đám trẻ con dùng gậy đánh đập một con rắn. Ngài hỏi lý do, chúng nói sợ rắn cắn. Ngài khuyên:

(Pháp Cú 131)

*Ai cầu hạnh phúc cho mình  
Mà dùng dao gậy gian manh hại người  
Khiến người tan nát cuộc đời,  
Kiếp sau mình chẳng an vui được nào.*

Người sống ác không những sống lo âu mà cũng chết trong tâm trạng sợ hãi và mê muội. Hồi tưởng lại những việc ác làm trong đời, với tâm trạng sợ hãi và lo âu, người đó qua đời tái sinh vào các cõi ác, như súc sinh, quỷ đói và địa ngục. Người sống thiện, sau khi chết sẽ được tái

sinh vào các cõi lành vì khi gần chết thường hồi tưởng lại những việc thiện mình làm trong đời, nghĩ tới Phật, Pháp, Tăng luôn luôn hướng dẫn mình trong cuộc sống hiền thiện và hướng thượng:

(Pháp Cú 132)

*Ai cầu hạnh phúc cho mình  
Không dùng dao gây gian manh hại người  
Không gây tổn hại cho đời,  
Kiếp sau mình sẽ an vui vô cùng.*

Không sát sinh cũng để tránh nhân quả báo ứng oán thù. Nếu mỗi ngày ta đều gieo cấy mầm lành cho người và vật thời tích lũy lâu ngày, khối oan gia ấy to hơn sức ta, chừng ấy ta bị nó sát hại lại. Càng tạo nghiệp sát, càng lao mình vào đau khổ.

Một chàng thanh niên mang một cái tên có nghĩa là "Thánh Hiền". Chàng làm nghề đánh cá. Đức Phật dạy rằng không phải bằng cách gây tổn thương cho chúng sinh khác, cho các sinh vật có mạng sống, có tình cảm như loài người, loài thú, mà có thể trở thành thánh hiền, cao thượng được:

(Pháp Cú 270)

*Sinh linh sát hại triển miên  
Thánh hiền đâu xứng là tên của mình,  
Không còn sát hại sinh linh  
Thánh hiền mới thật xứng danh vô cùng*

Đức Phật muốn khuyên chúng sinh diệt sân hận và rải tâm từ đến muôn loài để cho cuộc sống chung được hài hòa nên Ngài luôn luôn ngăn cấm đệ tử gây tổn hại cho người khác:

(Pháp Cú 300)

*Những người đệ tử Phật Đà  
Đêm ngày tỉnh giác để mà nghĩ suy  
Về niềm vui lớn kể chi:  
Chớ gây tổn hại chút gì cho ai.*

Một vị Tỳ kheo đã đắc quả, từ trong rừng trở về hầu Phật. Một thiếu phụ, có chuyện cãi vã với chồng, bỏ nhà, cũng vào đám rừng ấy và muốn trở về cha mẹ. Ông chồng thấy mất vợ, vào rừng tìm, thấy bà vợ đi theo sau vị A La Hán. Ông sinh lòng ganh tị, đánh đập vị Tỳ kheo tui bụi, mặc dầu bà vợ hết lòng bảo chữa vạn lơn. Tỳ kheo không sân giận, không nổi xung. Khi về tới chùa, các vị Tỳ kheo khác thấy vết thương bèn hỏi thăm và không tin khi nghe thuật lại câu chuyện. Đức Phật hay rõ bèn khen rằng:

(Pháp Cú 405)

*Ai không dao gây bạo hành  
Trong khi tiếp xúc chúng sinh ở đời  
Dù người mạnh, yếu vậy thôi  
Không gây thương tổn hay đời sát sinh  
Bà La Môn thật xứng danh.*

Không sát sinh thì khỏi phạm hai tội lớn sau đây: Một là giết hại các bậc Phật vị lai, vì Đức Phật nói: "Tất cả chúng sinh đều là chư Phật vị lai". Hai là giết lộn bà con nhiều đời, ăn làm bà con nhiều kiếp, vì trong kinh Bồ Tát Giới có nói: "Tất cả lục đạo chúng sinh đều là họ hàng ta, cha mẹ ta, đã chết đi rồi sinh lại trong nhiều đời nhiều kiếp".

Người không sát sinh thì trong đời sống hiện tại sẽ mở rộng thêm lòng từ bi, là một nhân chính để tu thành Phật và được hưởng các pháp lành như kinh "Thập Thiện Nghiệp Đạo" đã

kể: "Tất cả chúng sinh đều kính mến; Trừ sạch thói quen giận hờn; Thân thể thường được khỏe mạnh; Tuổi thọ được lâu dài; Thường được thiên thần hỗ trợ; Ngủ ngon giấc và không có ác mộng; Trừ hết các mối oán thù; Không bị đọa vào ba đường ác; Sau khi chết, được sinh lên cõi trời".

2. Không trộm cắp tức là không lấy những tài vật thuộc quyền sở hữu của người khác mà không có sự ưng thuận của họ. Đức Phật cấm trộm cắp vì lý do tôn trọng sự công bằng, tôn trọng sự bình đẳng, tôn trọng quyền tư hữu, diệt trừ lòng tham, nuôi dưỡng lòng từ bi và tránh nghiệp báo oán thù. Trong khi cố gắng lánh xa hành động trộm cắp người Phật tử cũng phát triển đức tính liêm khiết, chân thật và chính trực.

Một vị A La Hán trên đường đi khất thực về thấy một miếng vải bị gió bay rơi dưới đất, vùa lượm lên thì chủ khước vải nhận thấy, tri hô là ngài lấy trộm. Ngài giải thích rằng ngài không có ý định trộm cắp và trao trả vải lại cho chủ. Nhưng người kia đem câu chuyện thuật cho các vị khác nghe, và các vị ấy cười chê ngài. Đức Phật giải thích rằng chư vị A La Hán không khi nào còn trộm cắp của người:

(Pháp Cú 409)

*Thế gian hễ cứ một ai  
Không hề lấy vật mà người không cho  
Dài hay ngắn, nhỏ hay to  
Dù tốt hay xấu, dù hư hay lành  
Bà La Môn thật xứng danh.*

Không lấy của người, không lấy của không cho, mà trái lại còn lấy của mình để đem bố thí cho những kẻ thiếu thốn. Nếu không gian tham trộm cắp, mà lại làm hạnh bố thí thì theo kinh "Thập Thiện Nghiệp Đạo" được những pháp lành như sau: "Tiền của có dư không bị nạn giặc già cướp mất hay bị chính quyền tịch thu, không bị nạn lụt trôi, lửa cháy và con cái phá tán; Được nhiều người tin cậy; Không bị lừa dối, gạt gẫm; Xa gần đều khen ngợi lòng ngay thẳng của mình; Lòng được an ổn, không lo sợ vì sự tổn hại gì cả; Khi chết rồi được sinh lên cõi trời".

3. Không tà dâm là không được lấy vợ hay lấy chồng của kẻ khác. Nếp sống tình dục lang chạ bừa bãi của con người sẽ phá hoại thiết chế gia đình. Dù trong cuộc sống vợ chồng chính thức nhưng nếu giao tiếp không đúng lúc, không đúng chỗ và không chừng mực thì cũng bị xem là tà dâm.

Cháu của cư sĩ Cấp Cô Độc là một chàng thanh niên đẹp trai, thường có hành động tà dâm, hay đeo đuôi vợ người. Nhiều lần chàng bị bắt nhưng lại được nhà vua tha tội cho nhờ tiếng tăm của gia đình. Cuối cùng gia đình dẫn chàng đến thỉnh cầu Đức Phật khuyên dạy. Đức Phật dạy rằng tà dâm là tạo nghiệp ác. Ngài cũng giảng cho chàng về hậu quả tai hại của tật xấu tà dâm, nêu rõ những tai họa chờ đợi kẻ phóng dật tà dâm, nêu rõ bốn điều bất hạnh sẽ đến với kẻ buông lung theo vợ hay chồng người khác:

(Pháp Cú 309)

*Buông lung theo vợ, chồng người  
Mắc vào bốn nạn khiến đời bất an:  
Bản thân tội lỗi vương mạng,  
Ngủ đêm trần trọc, tâm can rối bời  
Bà con khinh bỉ chê cười  
Chết vào địa ngục là nơi đọa đày.*

Đức Phật dạy: "Người ôm lòng ái dục cũng như kẻ cầm đuốc đi ngược gió, quyết bị nạn cháy tay". Đức Phật cấm tà dâm là muốn bảo vệ hạnh phúc gia đình, tránh oán thù và quả báo xấu xa, tránh bị đọa làm ác thú, tránh bị trừng phạt:

(Pháp Cú 310)

*Mang về vô phước cho mình,  
Đọa làm ác thú. Cuộc tình vui chi  
Vi đang lo sợ mọi bề,  
Thêm vua phạt tội nặng nề bản thân,  
Cho nên phải giữ thân tâm  
Vợ, chồng người chớ tà dâm hoang dâm*

Riêng đối với hàng xuất gia, Đức Phật dạy nên dứt hẳn dâm dục. Vì dâm dục là nhân đi đến sự đọa lạc, luân hồi trong sinh tử. Ái càng nặng thì trôi buộc càng chặt, sự đau khổ do đó mà tăng trưởng. Động cơ của ái là si, tựa vào gốc si mê, ích kỷ để yêu thương. Do đó, ái chỉ làm cho mình và người đau khổ. Nếu sự yêu thương bị ngăn chặn hoặc bị từ chối thì yêu thương biến thành oán thù. Nếu yêu thương được thỏa mãn thì càng mê đắm, mù quáng. Giáo lý Đạo Phật nhằm thoát khỏi khổ đau, mà nguyên nhân chính của khổ là ái. Thế nên, Đạo Phật dạy nên xa lìa ái dục và tán thán người xa lìa ái dục. Đạo Phật khuyên chỉ nên hưởng những thú vui cao quý của tinh thần, đạo lý.

Khi bà Tỳ kheo ni A La Hán nọ bị một người trước kia thương bà, hãm hiếp, chur tỳ kheo bắt đầu thối mắng rằng chur vị A La Hán còn có thể bị dục lạc cám dỗ, còn cảm thấy khoái lạc về nhục dục nữa không. Đức Phật giải thích trạng thái của các vị này là "Bà La Môn không luyến ái dục lạc":

(Pháp Cú 401)

*Người mà ái dục thoát ly  
Không còn đắm nhiễm chút gì dài lâu  
Tựa như giọt nước trời mau  
Chẳng còn dính lại trên tàu lá sen  
Hay hạt cải đặt đầu kim  
Không còn dính lại ở trên đờc nào,  
Bà La Môn xứng danh sao!*

Người xuất gia muốn chứng quả, thành đạo, phải triệt để đoạn trừ dâm dục ở thân cũng như ở tâm. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Lòng dâm không trừ, thì không thể ra khỏi trần lao". Còn đối với người tại gia, Phật chỉ ngăn tà dâm, ngăn sự lang chạ, ngoại tình.

Không tà dục và giữ được tịnh hạnh sẽ được các điều lợi như Kinh "Thập Thiện Nghiệp Đạo" nói: "Sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) đều được vẹn toàn; Đoạn trừ hết những sự phiền não, quấy nhiễu; Không ai dám xâm phạm vợ chồng con cái; Được tiếng tốt, người đời khen ngợi".

4. Không nói sai sự thật là không nói dối, tránh vọng ngữ. Chỉ nói đúng với điều đã làm, đúng với sự thật đã trông thấy, nghe thấy mà thôi. Nói dối, chỉ trong trường hợp để cứu khổ độ nguy cho người và vật mới không phạm tội, vì như vậy là thực hành được "hạnh từ bi".

Một thời các tu sĩ ngoại đạo rất ghen ghét với Đức Phật nên lập mưu bêu xấu Ngài. Họ nhờ một nữ đệ tử trung thành của họ giả làm như thường tới lui và ngủ lại tại chùa Kỳ Viên nơi Ngài cư trú. Ít lâu sau bà này nói là đã có thai với Ngài. Bà độn bụng cho to rồi đến đến chùa công khai phi báng Ngài. Nhưng mưu gian bị khám phá. Mọi người đánh đuổi bà đi. Vừa ra khỏi chùa thời đất nứt ra hút bà rơi vào địa ngục. Đức Phật dạy: "Một người đã chà đạp sự thật thời còn có điều ác nào mà chẳng dám làm, chẳng hề nghĩ đến ác báo vào kiếp sau". Ngài đọc câu kệ sau khi đề cập đến lời vu oan của thiếu phụ:

(Pháp Cú 176)

*Ai vi phạm giáo pháp rồi,  
Ai ưa gian dối thốt lời dài lâu,*

*Ai tin chẳng có đời sau,  
Bao điều xấu, ác họ đâu sợ gì  
Sẵn sàng làm, có ngại chi.*

Đề hạ uy tín của Đức Phật, một giáo phái khác thuê một thiếu phụ già bỏ nói rằng "thường hay lui tới chùa Kỳ Viên nơi Đức Phật cư ngụ và ngủ lại đêm tại đây với Ngài". Ít lâu sau họ thuê bọn côn đồ say rượu rình giết thiếu phụ này rồi chôn vùi dưới đồng rác gần tịnh thất của Đức Phật để tạo sự nghi oan xấu xa cho Ngài. Về sau, những người giết thuê ấy bị nhà vua ra lệnh truy tầm, bắt được, chúng thú thật mọi chuyện. Thanh danh Đức Phật chẳng hề thương tổn. Khi giảng về tội xấu của người gian dối, Đức Phật dạy "Người hay vọng ngữ, người làm điều sai trái mà chối đều sẽ lâm vào cảnh khổ, chết sẽ bị đọa xuống địa ngục":

(Pháp Cú 306)  
*Nói lời xảo trá dối gian,  
Làm rồi lại chối không làm, không hay  
Ai mà tạo những nghiệp này  
Chết vào địa ngục đày tránh đâu  
Làm người ty tiện dài lâu..*

Người Phật tử tại gia có học Phật nên nói đúng thời, đúng lúc, nói lời có ích, có đạo lý, tránh nói nhảm nhí, nói lời vô nghĩa. Người không nói dối thì được những điều lợi ích như sau theo Kinh "Thập Thiện Nghiệp Đạo": "Miệng thường thơm sạch; Thể gian và nhân, thiên đều kính yêu; Lời nói không lâm lộn và vui vẻ; Trí tuệ thù thắng, không ai hơn; Được hưởng lạc thú như ý nguyện và ba nghiệp đều sạch".

5. Không uống rượu và các chất say khác. Phật cấm uống rượu vì muốn bảo toàn hạt giống trí tuệ và ngăn ngừa những nguyên nhân sinh ra tội lỗi. Rượu làm người mất bình tĩnh, mất sáng suốt và không thể giữ được bốn giới nói trên.

Đối với những người Phật tử tại gia, tu tập điều thiện, chính là giữ giới. Giữ cho đủ năm giới. "Ngũ giới" là căn bản, là mức đạo đức tối thiểu cho một con người, sống xứng đáng là con người, có nhân cách, có nhân phẩm. Năm giới Phật Giáo là chuẩn mức đạo đức cho loài người nói chung. Đó là một bài học công dân thông thường mà bất cứ một xã hội nào, một quốc gia nào muốn phồn thịnh, hùng cường cũng không thể bỏ sót được. Nếu Tam Quy là nền tảng, thì Ngũ Giới là năm nấc thang của người Phật tử tại gia để bước dần lên Thánh quả. Trong bước đầu, người Phật tử nếu có thể phát nguyện giữ cả năm giới thì càng tốt, nếu vì nhiều sự ràng buộc chưa thể giữ được cả năm giới thì nên cố giữ vài giới mà mình thấy có thể thực hành được. Nhưng đã phát nguyện giữ giới nào thì giữ cho trung kiên.

-ooOoo-

## THẬP THIỆN

Con người ta bị trôi lăn trong luân hồi cũng vì tạo tác những nghiệp ác, những nghiệp ấy do từ hành động, việc làm là "thân", do lời nói là "khẩu", và do tưởng nghĩ là "ý" mà sinh ra. Để diệt trừ những nghiệp ác, Đức Phật có nói Kinh Mười Điều Thiện "Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh".

"Thập Thiện Nghiệp" là mười nghiệp lành, gồm có mười giới cấm: "Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói thêu dệt, không nói độc ác, không nói hai lưỡi, không tham lam, không sân hận, không si mê". Thiện nghiệp hay nghiệp lành, theo Phật Giáo là tất cả những việc làm đúng với lẽ phải, hợp với chân lý, vừa ích lợi cho mình, vừa ích lợi cho người và vật khác.

Trong mười giới cấm này thời có bốn giới cấm đã được đề cập tới trong phần “Ngũ Giới” là: “Không sát sinh, không nói dối, không trộm cắp và không tà dâm”. Ba giới cấm nữa là “Không tham lam, không sân hận và không si mê” thời đã được đề cập tới trong phần nói về tam độc là “Tham, Sân và Si”. Chỉ còn ba giới cấm cần nói rõ thêm là: “*Không nói thêu dệt, không nói độc ác*” và “*không nói hai lưỡi*” mà thôi.

Truyện tích kể rằng nhân có một nhóm sáu vị Tỳ kheo mang guốc gỗ, tay cầm gậy khua lóc cóc, đi lên đi xuống rầm rầm trên một phiến đá, làm kinh động đến các vị Tỳ kheo khác đang ngồi thiền. Đức Phật nghe thấy những tiếng động đó và hỏi nguyên nhân. Khi được thầy A Nan cho biết rõ đầu đuôi, Đức Phật mới ra lệnh cấm các Tỳ kheo không được mang guốc gỗ nữa. Ngài còn dạy rằng con người làm những việc lành hay dữ, hành động xấu hay tốt đều do “thân”, do “miệng” và do “ý” mà ra. Ngài khuyên chúng sinh hãy giữ “Thân, Khẩu, Ý”, hãy kiểm soát hành động, lời nói và ý nghĩ cho trong sạch:

(Pháp Cú 231)

*Giữ gìn kiểm soát Thân người  
Đừng vì nóng giận để rồi làm sai  
Thân đừng làm ác, hại ai  
Làm lành, làm thiện, miệt mài tu thân.*

(Pháp Cú 232)

*Giữ gìn kiểm soát Lời người  
Đừng vì nóng giận để rồi nói sai  
Lời đừng nói ác, hại ai  
Nói lành, nói thiện, miệt mài tu thân.*

(Pháp Cú 233)

*Giữ gìn kiểm soát Ý người  
Đừng vì nóng giận để rồi nghĩ sai  
Ý đừng nghĩ ác, hại ai  
Nghĩ lành, nghĩ thiện, miệt mài tu thân.*

Ba bài kệ trên dạy giữ gìn “thân nghiệp”, “khẩu nghiệp” và “ý nghiệp” cho thật trong sạch. Đức Phật luôn luôn dạy không nên tạo ác nghiệp bằng Thân, Khẩu, Ý. Cần giữ cho thanh tịnh bằng cách tự mình kiểm chế lấy mình:

(Pháp Cú 391)

*Người không tạo nghiệp ác chi  
Hành vi, lời nói, nghĩ suy đúng đường,  
Khi thân, khẩu, ý đang hoàng  
Tự mình chế ngự, sẽ mang tốt lành  
Bà La Môn thật xứng danh!*

1. Không nói thêu dệt: không nói ngoa, không nói sai lạc sự thật để người khác phải mê lầm. Chỉ nói những lời chân thật, đúng chắc, không thêm, không bớt.

Theo Kinh “Thập Thiện Nghiệp Đạo” người không nói lời thêu dệt sẽ được ba điều lợi ích: “Được người trí thức yêu mến; Hay đáp được những câu hỏi khó khăn; Được làm người có uy đức, cao quý trong cõi nhân thiên”.

2. Không nói độc ác: tránh xa những lời chửi rủa, thô bỉ, xấu xa. Chỉ nói những lời nhu hoà, êm tai, tao nhã khiến vui lòng người.

Vài vị Tỳ kheo thường nặng lời lăng mạ một vị khác là đòi bại và vị này cũng tức giận trả lời lại. Đức Phật khuyên các thầy không nên gây thù trả oán, không nên nói lời thô lỗ vì lời cay

đắng ác độc thốt ra trong lúc nóng giận làm cho người nghe đau đớn khó chịu như bị thương tích:

(Pháp Cú 133)

*Dùng nên mở miệng nói câu  
Tục tằn, ác độc khiến đau lòng người  
Người ta cũng nói trả thôi,  
Những lời độc địa muôn đời khổ thay  
Lời qua tiếng lại đắng cay  
Như bao dao gây phạt ngay thân mình.*

Một vị A La Hán kia có thói quen trịch thượng, nói chuyện với ai cũng dùng lời xung hô như khi nói với người ở giai cấp cùng đinh. Các thầy Tỳ kheo khác bất mãn và phản đối rồi bạch với Đức Phật. Đức Phật giải thích rằng vị ấy không có ý định xấu, trong tâm không có ác ý muốn làm mất lòng người khác, mà đó chỉ là một thói quen chuyển từ kiếp sống quá khứ sang kiếp hiện tại mà thôi. Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 408)

*Nói lời êm dịu, ôn hòa  
Lại thêm lợi ích, thật thà mãi thôi  
Không hề xúc phạm đến ai  
Bà La Môn gọi tên người xứng sao!*

Theo Kinh "Thập Thiện Nghiệp Đạo" người không nói lời hung ác mà lại nói lời ôn hòa, được những công đức như sau: "Nói lời nào cũng khôn khéo đúng lý và lợi ích; Nói điều gì, ai cũng nghe theo và tin cậy; Nói ra lời nào cũng không ai chỉ trích mà còn được mến yêu".

3. Không nói hai lưỡi: từ bỏ lời nói phù phiếm. Không nói lời đâm thọc, phản gián, gặp người bên này thời nói xấu bên kia, gặp người bên kia lại nói xấu bên này để gây ác cảm, bất hòa giữa hai người.

Tỳ kheo nọ trong một chuyến du hành dừng chân tại một tu viện do hai vị tăng khác trụ trì. Tỳ kheo giảng pháp, được dân chúng hoan nghênh, vị này nói ý xấu muốn chiếm tu viện cho riêng mình. Tỳ kheo bên có lời nói gây chia rẽ hai vị tăng trụ trì kia, vốn là huynh đệ thân thiết với nhau, để hai vị này hiểu lầm nhau mà cùng bỏ đi. Sau khi viên tịch, Tỳ kheo tái sinh làm nga quý có hình thù xấu xa, trong miệng mọc ra một cái đuôi đầy ròi bọ lúc nhúc. Đức Mục Kiền Liên gặp nga quý này và trở về bạch với Đức Phật. Đức Phật giảng về hậu quả tai hại của lời nói đâm thọc, gây chia rẽ:

(Pháp Cú 281)

*Lời nên thận trọng mọi bề,  
Ý luôn kiềm chế chớ hề buông lung,  
Thân đừng làm ác, bất lương  
Cổ mà thanh lọc ba đường kể trên  
Sẽ mau chứng đạo thánh hiền.*

Theo Kinh "Thập Thiện Nghiệp Đạo" người không nói hai lưỡi sẽ được những điều lợi ích sau đây: "Bà con, dòng họ được luôn luôn sum họp; Tình bằng hữu của thiện tri thức được vững bền bất hoại; Đức tin bất hoại; Pháp hạnh bất hoại".

Đây là mười thiện nghiệp, nếu như chúng ta thực hiện mười thiện nghiệp này thì không những trong đời sống hiện tại được hạnh phúc an lạc mà sau khi thân này kết thúc sẽ được sinh vào cảnh giới an lành. Từ ngàn xưa các vị hiền, thánh, Bồ Tát và chư Phật đã thoát khỏi sinh tử, luân hồi chứng được Niết Bàn đều bắt đầu lấy mười điều thiện này làm căn bản tu hành.

"Mười Điều Thiện" có thể được phân chia làm ba nhóm: Ba điều thiện của "Thân" là "không sát sinh, không trộm cắp và không tà dâm". Bốn điều thiện của "Khẩu" là "không nói dối, không nói thêu dệt, không nói độc ác và không nói hai lưỡi". Ba điều thiện của "Ý" là "không tham lam, không sân hận và không si mê".

Trái ngược hẳn lại với "Mười Điều Thiện" là "Mười Điều Ác". Mười điều ác còn được gọi "thập ác nghiệp". Có thể chia mười điều ác này thành ba nhóm: Ba điều ác của "Thân" là "sát sinh, trộm cắp và tà dâm". Bốn điều ác của "Khẩu" là "nói dối, nói thêu dệt, nói độc ác và nói hai lưỡi". Ba điều ác của "Ý" là "tham lam, sân hận và si mê".

Nếu không đoạn trừ mười ác nghiệp này thì sẽ đem lại khổ đau ngay trong đời sống hiện tại và sau khi thân này kết thúc phải đọa vào trong cõi dữ, ác thú, địa ngục. Như thế, chúng ta có thể xem mười ác nghiệp là các nhân tố của vô minh đưa con người đến hố sâu tội lỗi, gây ra khổ đau cho bản thân, cho gia đình và làm rối loạn cho xã hội .

Sau một mùa an cư năm trăm Tăng sĩ đến yết kiến Đức Phật và Ngài khuyên dạy rằng người hiền trí phải từ bỏ ngay trạng thái tối tăm đây bóng đêm là mười loại hành vi bất thiện, và phát triển trạng thái sáng sủa rực rỡ ánh vàng là mười loại hành vi thiện, tìm niềm vui trong việc tu niệm, xa lìa dục vọng, thanh lọc ô nhiễm trong tâm trí, để chứng Niết Bàn trong cõi đời hiện tại:

(Pháp Cú 87 - 88)  
*Người hiền trí rời bỏ ngay  
Con đường bất thiện giăng đầy bóng đêm  
Tìm qua nẻo thiện vượt lên  
Ánh vàng rực rỡ xuôi miền an vui,  
Gia đình nhỏ hẹp lìa thôi  
Xuất gia và sống cuộc đời độc thân  
Đúng theo phép tắc Sa Môn  
Gột đi ô nhiễm trong tâm kỹ càng  
Câu vui chánh pháp Niết Bàn  
Bao nhiêu dục lạc buộc ràng tránh xa.*

Một nhà chăn nuôi gia súc giàu có thường hay đến nhà ông Cấp Cô Độc để nghe Đức Phật giảng pháp. Một hôm ông có cơ duyên được cúng dường Đức Phật và chư Tăng tại nhà mình liên tiếp trong bảy ngày. Khi Đức Phật ra về, ông mang theo bình bát của Đức Phật và tiễn chân Ngài đi một đỗi xa. Lúc trở lại ông bị một người thợ săn bắn một mũi tên khiến ông bị chết. Các vị Tỷ kheo bàn luận rằng nếu Đức Phật không đến viếng chắc nhà chăn nuôi gia súc kia khỏi phải chết. Đức Phật giải thích rằng dù thế nào chăng nữa, ông ấy không thể lẩn tránh nghiệp xấu đã tạo trong quá khứ và Ngài thêm rằng "Cái hại mà kẻ thù có thể gây cho kẻ bị thù, hay của người oán hận gây cho người đã tạo ra mầm oán hận, không nguy hiểm bằng tâm hướng về hạnh ác, hướng về điều bất thiện sẽ gây hại cho mình":

(Pháp Cú 42)  
*Kẻ thù gây hại cho nhau  
Hay người oán hận trước sau rủa hờn  
Cũng đâu gây hại nhiều hơn  
Hại do hạnh ác trong tâm tạo thành  
Gây ra cho chính thân mình.*

Một người khá giả kia này sinh ý nghĩ tham ái khi gặp một vị A La Hán. Kế đó ông kiểm soát được tâm, xin xuất gia và sớm đắc quả A La Hán. Nghe sự thay đổi thuận lợi và sự thành đạt mỹ mãn ấy Đức Phật ca ngợi vị đó và thêm rằng "Điều lợi ích mà cha mẹ và bà con quyến thuộc có thể làm cho mình, thì người có tâm hướng thiện và chính trực cũng tự mình làm được, mà còn có thể làm tốt hơn nữa":



(Pháp Cú 43)  
Dù cha mẹ hoặc thân nhân  
Giúp ta chỉ được một phần thăng hoa  
Chính nhờ tâm tốt của ta  
Tìm về việc thiện, hưởng qua hạnh lành  
Làm mình cao thượng thật nhanh.

Mười nghiệp lành, cũng như mười nghiệp dữ, đều do thân, khẩu, ý phát khởi ra. Nghiệp dữ ví như cỏ, nghiệp lành ví như lúa, đều mọc chung trên một đám ruộng. Cỏ thường làm chướng ngại cho lúa, không cho sinh trưởng tốt tươi. Nếu muốn lúa tốt để mùa thu hoạch được nhiều, thì phải nhổ sạch cỏ. Cũng thế, muốn được nghiệp lành, thì cần phải dứt hẳn mười nghiệp dữ.

-ooOoo-

## LỤC ĐỘ BA LA MẬT

Người Phật tử tu hạnh Bồ Tát ngoài mười điều thiện, phải tu tập pháp "Lục Độ Ba La Mật". Lục là sáu. Độ là vượt qua. Ba la mật nguyên âm tiếng Phạn là Paramita, người Trung hoa dịch nghĩa là "bi ngạn đảo", nói theo tiếng Việt là "đến bờ bên kia". Đây là sáu món tu tập có công năng như một chiếc thuyền, đưa mình từ bờ bên này, bờ vô minh của thế gian, vượt sang bờ bên kia, bờ giác ngộ của chư Phật. Kẻ tu hành muốn đến bờ giải thoát hoàn toàn, cần phải tu cả phước lẫn tuệ. Tu phước gồm có: "bố thí, trì giới, tinh tấn và nhẫn nhục". Tu tuệ là "thiền định và trí tuệ".

## BỐ THÍ BA LA MẬT

Đạo Phật thường được gọi là đạo từ bi. Vậy người Phật tử, khi noi theo dấu chân Phật, cũng phải thể hiện được lòng từ bi và làm cho nó tăng trưởng. Phương pháp mẫu nhiệm nhất là thực hành pháp môn "bố thí ba la mật". "Bố" nghĩa là rộng rãi, cùng khắp. "Thí" là cho, là trao tặng. Bố thí là cho, là tặng cùng khắp, tặng cho tất cả mọi người, mọi vật, mọi nơi. "Bố thí Ba la mật" gồm các loại sau đây:

1. Tài thí: Đem tiền bạc, của cải, vật thực của mình ra cho người thiếu thốn. Đôi khi đem những vật quý báu nhất của mình như thân mạng, đời sống của mình để cứu vớt kẻ khác ra khỏi nguy nan.

2. Pháp thí: Đem chân lý, giáo pháp, những lời dạy của Đức Phật để chỉ bày, khuyên bảo người khác; hoặc chính mình y theo giới luật của Phật tu hành để làm khuôn mẫu cho người bất chước, bỏ dữ theo lành, cải tà quy chánh. Pháp thí có hiệu quả lâu bền vì giúp cho người hiểu được lẽ thật, phá được vô minh và đạt đến hạnh phúc chân thật. Bởi vậy Pháp thí là một hành động cao quý và có công năng cứu độ, giải thoát hơn cả. Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 354)  
Coi như bố thí hàng đầu  
Là đem Chân Lý nhiệm mầu tặng nhau,  
Coi như hương vị tối cao  
Hương vị Chân Lý ngọt ngào dài lâu  
Coi như hoan hỷ hàng đầu  
Niềm vui Chân Lý thâm sâu tuyệt vời,  
Người nào ái dục diệt rồi  
Vượt qua phiền não, xa rời khổ đau.

3. Vô úy thí: Vô úy nghĩa là không sợ. Vô úy thí là lấy lời nói hay việc làm giúp cho người khác đang sợ hãi thành hết sợ. Đem sự bình tĩnh và an vui đến cho mọi người và mọi vật. Đời sống đã khổ, lại càng khổ thêm vì sợ. Cho nên làm cho người hết sợ, chính là đã cứu cho họ bớt đi quá nửa khổ đau trong kiếp sống.

Sự bố thí theo ba cách nói trên, thật ra không khó và không hiểm. Rất nhiều người có thể làm được. Nếu nhìn bề ngoài, thì những hành động ấy đều là bố thí cả. Nhưng nếu xét về tâm lý và động lực thúc đẩy bên trong, thì có thể có hai trường hợp khác xa nhau:

1. Bố thí "*chấp tướng*": Nghĩa là bố thí với một dụng tâm không trong sạch như cầu danh, cầu tài lợi, hoặc vì ganh đua, hoặc vì bị ép buộc, hoặc cho với một tâm lý khinh rẻ, hối tiếc, phân biệt kẻ thân người sơ, kẻ ưa người ghét... Như thế là chấp tướng, là còn "bám níu lấy hình tướng", phước đức của những hành động ấy rất mỏng manh, như mây nổi giữa hư không, gặp gió thổi liền tiêu tan.

2. Bố thí "*không chấp tướng*": Nghĩa là bố thí với một dụng ý trong sạch, đúng với ý nghĩa của nó. Bố thí vì tâm từ bi bình đẳng. Nhân biết tài sản cũng như thân mạng mình đều là giả tạm, vô thường, nên không tham lam, tiếc nuối. Biết cái ngã không có thật, nên khi cho không thấy có kẻ cho và người nhận, không tự cao, tự đại. Bố thí như trên mới đúng là bố thí Ba la mật.

Chúng ta đã thấy rõ giá trị của pháp bố thí Ba la mật. Công đức của nó không những chỉ riêng cho người nhận, mà lẫn cả người cho nữa. Nó vừa độ người mà vừa độ mình. Có công năng đưa mình và người từ bờ mê lầm đến bờ giác ngộ, từ địa vị phàm phu đến quả vị Bồ Tát.

## TRÌ GIỚI BA LA MẬT

"Trì" là giữ chặt chẽ. "Giới" là những điều răn dạy, ngăn cấm, những quy luật mà đức Phật đã chế ra. Đạo Phật có mục đích đưa người đến chỗ giác ngộ. Vậy những giới luật, những giáo điều của Đạo Phật tất nhiên là có một giá trị và công dụng. Trì giới Ba la mật là môn tu bằng cách giữ gìn nghiêm chỉnh, trọn vẹn giới luật mà Đức Phật đã răn dạy.

Căn cơ của chúng sinh không đồng nhau, và sự tu hành của các đệ tử Phật cũng có nhiều cách. Vì thế, Đức Phật phải chế ra rất nhiều giới luật và phân ra nhiều loại. Nói chung là dù tại gia hay đã xuất gia, tất cả đều cần giữ cho "thân, miệng, ý" được sáng suốt, trong sạch, không ô nhiễm. Thân không làm, miệng không nói và ý không nghĩ đến những điều sai lầm, độc ác nữa. Như thế sẽ trừ diệt được hết những nghiệp ác sinh ra đau khổ, luân hồi. Một thiện tín giàu tâm đạo, có niềm tin tưởng chân thành nơi Tam Bảo nên được hết sức quý trọng mỗi khi đến hầu Phật. Đại đức A Nan bạch hỏi Phật rằng nếu thiện tín đó viếng một vị giáo chủ khác, không phải là Đức Phật, thời vị đó có được quý trọng như vậy chăng. Đức Phật dạy "Người có đủ niềm tin nơi giáo pháp, trì giới chặt chẽ, có tài đức thời đến đâu cũng được quý trọng, tôn vinh":

(Pháp Cú 303)

*Tâm ai tràn ngập niềm tin  
Lại thêm giới hạnh giữ gìn thanh cao  
Có thêm tài đức dồi dào  
Đi đâu cũng được đón chào tôn vinh.*

Phần đông thiện tín ưng thuận dâng một bộ y quý giá đến Đại đức Đề Bà Đạt Đa thay vì dâng đến Đại đức Xá Lợi Phất là một vị đại đệ tử của Đức Phật. Một vài thiện tín có tâm đạo, thấy Đề Bà Đạt Đa đáp y, nói rằng thầy không xứng đáng được danh dự ấy. Nhân cơ hội này Đức Phật kể rằng trong một tiền kiếp Đề Bà Đạt Đa đã hành động tương tự. Ngài dạy là ngoài việc trì giới ra còn cần làm, cần nói và cần nghĩ tới tất cả mọi việc lành, lợi ích cho mình và lợi ích

cho người và vật khác, cứu khổ toàn thể chúng sinh, hoá độ khắp hết mọi loài, không sợ khó nhọc và tốn thời giờ, không phân biệt chủng loại. "Người bỏ hết tham dục, giữ gìn giới luật nghiêm minh, tự kiểm chế được mình và chân tình thì đáng mặc áo nhà tu":

(Pháp Cú 10)

*Người mà ô nhiễm chẳng vương  
Giữ gìn giới luật vững vàng, nghiêm minh  
Luôn tự chế, rất chân tình  
Áo cà sa khoác vào mình xứng thay.*

Tri giới Ba la mật cũng có hai cách. Tri giới "chấp tướng" là chỉ có hình thức bên ngoài, chứ bên trong thì rất nhiễm ô. Tri giới như thế chẳng ích lợi gì, chỉ thêm mất thời giờ và không phải là tri giới Ba la mật. Chỉ có tri giới "không chấp tướng" là làm theo đúng các điều răn cấm mà Đức Phật đã chỉ dạy, làm vì hoàn toàn tự nguyện, không vì danh lợi, không vì háo thắng, không vì bị hoàn cảnh ép buộc mà làm. Tri giới như thế mới đúng là tri giới Ba la mật, công đức sẽ vô lượng vô biên.

## TINH TẤN BA LA MẬT

"Tinh" là thuần một thứ, chuyên một việc, không có xen lẫn một ý gì, một việc gì khác vào. "Tấn" là tiến tới mãi mãi không dừng, không gián đoạn hay thối lui. Hai chữ tinh tấn nói theo nghĩa thông thường là siêng năng, chuyên cần tu tập để tiến trên con đường Đạo.

Người sống tiêu cực, uể oải, không tinh tấn, dù trẻ tuổi và khoẻ mạnh, vẫn lười biếng và có tinh thần suy nhược, những người như thế không có trí tuệ để ngộ đạo. Truyện tích kể rằng một thời ở nước Xá Vệ có nhiều thanh niên trẻ tuổi được thu nhận vào giáo hội. Nhiều vị vào rừng hành thiền và mấy tháng sau đắc quả A La Hán. Trong lúc đó một nhóm khác không chịu đi, ở lại chùa. Nhóm đi hành thiền được Đức Phật khen ngợi, chào đón. Ngài giảng rằng:

(Pháp Cú 280)

*Lúc cần nỗ lực lại lời  
Dù đang cường tráng, dù thời thiếu niên,  
Tinh thần suy nhược triển miên  
Còn đâu trí tuệ mà tìm được ra  
Con đường ngộ đạo thơm hoa.*

Người tu tập trước hết phải tinh tấn ngăn ngừa để các điều ác đừng phát sinh ra. Nghĩa là từ trước tới nay chưa làm ác thời nên tiếp tục giữ cái tính thiện đó. Một bà vợ hàng ngày thường mang cung tên đưa cho chồng đi săn. Các vị Tỳ kheo thắc mắc không biết hành động như vậy bà có tạo nghiệp ác không. Đức Phật giải thích rằng vì bà không có ý định làm ác mà chỉ vâng lệnh chồng nên không tạo nghiệp ác, cũng như "cầm thuốc độc mà tay không trảy trạ thì chất độc không ngấm vào người, do đó vô hại":

(Pháp Cú 124)

*Bàn tay không có vết thương  
Dù cầm thuốc độc chẳng phương hại gì  
Người không làm ác sợ chi  
Chẳng bao giờ bị ác kia hại mình.*

Truyện tích kể rằng một tên trộm rất ác tâm. Y đã bảy lần đốt ruộng, bảy lần đốt nhà, bảy lần chặt chân bò của một trường gia giàu có. Còn chưa vừa lòng y lại đốt luôn hương phòng mà trường gia đã dâng hiến Phật. Do tạo nghiệp ác như thế, khi mạng chung tên trộm bị đọa vào địa ngục A Tỳ, chịu hình phạt ở đó rất lâu. Nhưng quả báo chưa hết, đến khi đầu thai hẳn phải chịu đau khổ làm thân ngựa quý, dưới thân hình một con trăn to lớn, mình luôn luôn bị ngon

lửa đốt cháy lần lần từ đầu đến đuôi, rồi từ đuôi đến đầu không ngưng nghỉ. Đức Phật nhân đó dạy rằng người đại khờ làm điều ác mà không biết rằng sau này chịu khổ như nhóm lửa để tự đốt mình:

(Pháp Cú 136)

*Kẻ ngu nghiệp ác gây nên  
Để rồi quả báo đến liền hay đâu,  
Tương lai chịu vạn khổ đau  
Như là lấy lửa thiêu mau chính mình.*

Cho nên nếu đã lỡ làm việc ác thời cần tinh tấn diệt cho mau các điều ác đã phát sinh. Một thầy Tỷ kheo bất mãn với giới luật đời tu, thường lập đi lập lại hành động phạm giới sai lầm. Đức Phật trách cứ và răn dạy "Dù lỡ làm việc ác thời nên ngưng ngay để tránh khổ đau sau này":

(Pháp Cú 117)

*Lỡ làm việc ác mắt rời  
Chớ nên tiếp tục bước đời làm sai  
Chớ vui với việc ác này  
Tâm hay chứa ác có ngày khổ đau.*

Tiến thêm một bước nữa, người tu tập cần tinh tấn làm cho các điều lành phát sinh và sau đó tinh tấn làm cho các điều lành tăng trưởng. Nên nắm ngay lấy mọi cơ hội để làm điều thiện. Những hành động như thế sẽ ảnh hưởng tốt đẹp đến hạnh phúc trường cửu của chúng ta. Truyện tích kể rằng hai vợ chồng người kia chỉ có mỗi một cái quần và hai người chia nhau mặc một cái áo. Lúc vợ mặc áo thì chồng không mặc. Lúc chồng mặc thì vợ không. Ngày kia người chồng mặc áo đi nghe Đức Phật thuyết Pháp và lấy tâm thỏa thích, phát tâm muốn dâng cái áo duy nhất của hai vợ chồng anh, nhưng lúc ấy anh bị tâm lý uẩn ái chế ngự. Suốt đêm ấy anh chiêm đấu chống lại tính vị kỷ của mình. Cuối cùng anh reo lên: "Ta đã thắng, ta đã thắng", và chạy đem dâng cái áo. Câu chuyện đến tai vua. Vua khen ngợi và ban thưởng anh xứng đáng. Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 116)

*Hãy mau thực hiện điều lành  
Còn bao điều ác tránh nhanh đừng làm,  
Điều lành lười biếng không ham  
Làm càng chậm trễ lại càng khổ đau  
Trong tâm chuyện ác đến mau.*

Tinh tấn, cũng như bố thí và trì giới, đều có hai phương diện. Thứ nhất là tinh tấn có "chấp tướng". Loại tinh tấn này chỉ để được tiếng khen, hoặc vì sợ người trên la rầy, quở phạt hoặc với một tâm lý háo thắng, quyết hơn người để tự cao tự đại. Như vậy không đúng là tinh tấn Ba la mật. Loại thứ hai là tinh tấn "không chấp tướng". Đây là tinh tấn một cách chân thành, quyết tâm sửa chữa, thấy mình cần giải thoát ra khỏi luân hồi, nên phải gấp rút chuyên cần tu luyện.

Trong tất cả sự nghiệp vĩ đại ở đời hay kết quả vẻ vang trong đạo, cái bí quyết duy nhất để thành công là pháp tinh tấn. Cho nên câu nói cuối cùng của Đức Phật Thích Ca với các đệ tử trước khi Ngài nhập diệt là: "Hỡi các người! Hãy tinh tấn lên để giải thoát". Công việc tu hành, đi từ bờ mê đến bến ngộ, đường dài muôn trùng vạn dặm, trải qua bão táp mưa sa, nếu không có được đức tinh tấn, như các bùa hộ mệnh và bí quyết tiên thù, thì chúng ta chỉ quanh quẩn mãi trong biển sinh tử luân hồi.

**NHÂN NHỤC BA LA MẬT**

"Nhẫn" là nhịn, chịu đựng những cảnh trái mắt nghịch lòng. "Nhục" là điều sỉ nhục, điều xấu hổ, làm tổn thương đến lòng tự ái của mình. Nhẫn nhục Ba la mật là nhẫn nhục đến chỗ cùng tột không còn ai có thể nhục hơn thế nữa. Nhẫn nhục Ba la mật gồm có ba thứ về "thân", về "miệng" và về "ý".

1. Thân nhẫn: Đối với nghịch cảnh như nắng mưa, nóng lạnh, đói khát, đau ốm, hoặc bị người đánh đập, hành hạ, làm bức não nơi thân, mình cũng cam chịu, không phàn nàn hay chống cự lại. Đây là chịu đựng về thể xác.
2. Khẩu nhẫn: Tuy gặp việc trái ý miệng cũng không thốt ra những lời nguyên rủa độc ác, những lời nhục mạ chua cay, mắng nhiếc tồi tệ. Luôn tỏ ra thanh nhã, êm ái.
3. Ý nhẫn: Dẫu gặp nghịch cảnh vẫn nhẫn nhục trong tâm, không hề phát ra một tư tưởng căm hờn, oán giận, không nổi lên ý phản đối, những tư tưởng hắc ám để trả thù. Trong ba thứ nhẫn này, "ý nhẫn" là khó nhất và quan trọng nhất. Nhiều khi thân có thể chịu đựng được cực hình, miệng có thể không thốt ra những lời nguyên rủa, nhưng ý vẫn ngầm ngầm phản đối và tức giận đốt cháy tim gan. Đến khi "tâm ý" cũng không ngầm ngầm nổi dậy phản đối, sự tức giận lắng xuống tận đáy lòng, thì nhẫn nhục mới thật là hoàn toàn và do đó những đau khổ, oán thù đều dứt hết.

Một Đại đức nọ ý mình là em họ Đức Phật nên không tôn trọng các vị Sư cao hạ khác. Khi các vị này chỉ dạy để sửa sai hạnh kiểm lầm lạc ấy thì Đại đức cảm thấy tự ái bị tổn thương, đến than phiền với Đức Phật. Đức Phật biết rõ mọi chuyện nên khuyên nhủ Đại đức nên sám hối, nhưng Đại đức không nghe. Lúc bấy giờ Đức Phật thuật một câu chuyện nhắc lại rằng trong tiền kiếp có lần Đại đức đã từng hành động tương tự. Về sau Đại đức chịu nghe lời dạy của Đức Phật, đến xin sám hối với các vị Sư cao hạ. Đức Phật nhân dịp này dạy rằng lòng sân hận không người trong tâm của người còn ôm ấp những ý tưởng như "nó lăng mạ tôi, đánh đập tôi, chiếm đoạt tôi, cướp giật của tôi" rồi từ đó đưa đến chuyện trả thù báo oán sẽ không dẫn đến an tịnh:

(Pháp Cú 3)

*"Người kia chửi bới, đánh tôi  
Lại còn lấn lướt, cướp hoại. Giận thay!"  
Ai mà nghĩ mãi điều này  
Làm sao dứt bỏ được ngay hận thù.*

Khi hành pháp nhẫn nại thời tất cả mọi hận thù tiêu tan:

(Pháp Cú 4)

*"Người kia chửi bới, đánh tôi  
Lại còn lấn lướt, cướp hoại. Giận thay!"  
Ai không còn nghĩ điều này  
Sẽ mau dứt bỏ được ngay hận thù.*

Một thiếu phụ nọ có thói quen đọc hồng danh của Đức Phật mỗi khi có chuyện không may xảy đến. Ông chồng phản đối, nhưng bà vẫn không bỏ thói quen ấy. Người chồng tức giận chạy đi tìm Đức Phật và nêu lên vài câu hỏi. Lối giải đáp của Đức Phật bộc lộ một sức nhẫn nại phi thường làm người chồng nóng giận kia dịu dần, xin theo Ngài và thọ lễ xuất gia. Mấy người anh của ông hay tin, đến lăng mạ Đức Phật và chất vấn Đức Phật tại sao quyền rũ ông. Ngài nhẫn nại trước những lời nguyên rủa và giảng Pháp cho các người ấy. Rót cuộc họ cũng xin quy y. Khi các Tỷ kheo tán dương hạnh nhẫn nại của Đức Phật thời Ngài dạy:

(Pháp Cú 399)

*Ai không tức giận với người*

*Chịu lời khiển trách, đòn roi, phạt hình  
Lấy điều nhẫn nhục lặng thinh  
Làm quân lực bảo vệ mình một bên  
Bà La Môn thật xứng tên.*

Một vị Tỳ kheo thường nặng lời lăng mạ một vị khác và vị này cũng trả lời lại. Đức Phật khuyên các thầy không nên gây thù trả oán và giảng dạy về sự lợi ích của người biết giữ im lặng trước những lời lăng mạ của kẻ khác. Người hành đúng theo lời thực tiễn này, dầu còn tại thế, cũng được xem như đã đắc quả Niết Bàn vì đã không còn phần nộ và không có tâm lấy oán trả oán:

(Pháp Cú 134)  
*Nếu mà người giữ lặng yên  
Như chuông bể nứt im lìm chẳng vang  
Trước lời ác độc phủ phàng  
Niết Bàn người đã thênh thang bước vào:  
Chẳng còn sân hận chút nào.*

Đức Phật hằng ngày khuyên dạy hàng tín đồ không nên trả thù báo oán mà phải hành pháp nhẫn nại, luôn luôn, trong mọi trường hợp, ở mọi nơi, trước mọi khiêu khích. Đức Phật tán dương những ai sẵn sàng chịu đựng lỗi lầm của kẻ khác, mặc dù trong tay có đủ quyền lực để trả thù. Trong quyển Kinh Pháp Cú này có nhiều trường hợp cho thấy rằng Đức Phật luôn luôn hành pháp nhẫn nại, dù lắm khi Ngài cũng bị chỉ trích thậm tệ, bị chửi mắng và bị tấn công.

Nhẫn nại không bao giờ là dấu hiệu của sự sợ sệt, hèn nhát, của uơm hèn yếu kém, hay chủ bại, đầu hàng. Trái lại đó là sức mạnh bất khuất của con người tự chủ. Người tu tập nhẫn nhục vì đã nhận được thật tính của con người là luôn luôn yên lặng, bình đẳng đối với tất cả mọi sự, mọi việc, không hề bị lay động bởi một cảnh vật gì dù là thuận hay nghịch, hợp với mình hay trái với mình.

Muốn có đức tính không sân hận thì cần phải tu pháp quán "từ bi" hay "nhẫn nhục" mới rưới tắt được lửa sân hận. Một thiếu nữ nhan sắc rất đẹp. Cha cô chưa ưng gả cô cho ai. Đến khi ông trông thấy dáng mạo trang nghiêm của Đức Phật trên đường đi khất thực, ông liền ngộ ý cầu thân. Đức Phật thẳng thắn từ chối. Cô gái bị chạm tự ái, nguyện trả thù. Sau này cô được chọn vào hoàng cung làm vương phi. Khi nghe tin Đức Phật cùng chư Tăng đi ngang qua vùng của cô, cô bèn âm mưu thuê người đi theo lăng mạ Ngài thậm tệ. Đại đức A Nan không chịu nổi, bạch với Đức Phật, xin Ngài rời đi nơi khác. Nhưng Đức Phật khuyên thầy A Nan nên thực hành pháp nhẫn nhục và Đức Phật tự ví "như voi chiến lâm trận, bình thản vững tiến giữa lẫn tên mũi đạn, sẵn sàng và thân nhiên hứng chịu những lời nguyên rủa":

(Pháp Cú 320)  
*Như voi ra trước trận tiền  
Luôn luôn hứng chịu cung tên bắn mình  
Như Lai nhẫn nhục tu hành  
Chịu điều phi báng cũng đành lòng thôi,  
Sống vô tư cách lắm người  
Xa điều giới luật, ghét nơi cửa thiền.*

Nhẫn nhục cũng có hai phương diện. Thứ nhất là nhẫn nhục có "chấp tướng". Đây là nhẫn nhục vì sợ quyền thế, vì đang nằm trong hoàn cảnh bất lợi chưa thể trả thù được, hoặc mong cầu được người khen, hay được chức trọng, quyền cao; vì khinh bi đối thủ, hay tự cho mình cao hơn người. Nhẫn nhục như thế là vì còn do dục vọng "tham, sân, si, và mạn" thúc đẩy, chưa phải là nhẫn nhục Ba la mật. Thứ nhì là nhẫn nhục "không chấp tướng". Đây là nhẫn

nhục do ý muốn diệt trừ lòng sân hận, kiêu mạn, tự ái, tham lam... Hơn nữa, còn nhắm mục đích trau dồi lòng từ bi và hỷ xả.

Đức Phật dạy "Niết Bàn là tối thượng, nhẫn nhục là khổ hạnh tối cao, người tu hành không gây hại cho người khác":

(Pháp Cú 184)  
*Phật thường dạy đã lâu rồi  
Niết Bàn là chốn tuyệt vời cao siêu  
Cũng như nhẫn nhục trăm chiều  
Lấy điều khổ hạnh làm điều tối cao,  
Xuất gia chẳng hại ai nào  
Sa Môn tu tập nỗ sao hại người.*

Lửa sân hận có thể đốt thiêu tất cả những gì quý báu, mà loài người đã xây dựng được trên thế giới này. Lửa sân hận chỉ có thể bị dập tắt bằng nước nhẫn nhục Ba la mật.

## THIÊN ĐỊNH BA LA MẬT

Thiền Định là tu tập bằng phương pháp tập trung tư tưởng, tâm trí vào một đối tượng duy nhất không cho tán loạn, để tâm trí được vắng lặng và mạnh mẽ, hầu quan sát và suy xét một vấn đề cho đến cùng cực và do đó nghiệm ra được chân lý. Trong Bát Chánh Đạo cũng có Định. Trong sự suy tâm nghiên cứu của các nhà khoa học cũng cần đến Định. Tâm có định thì trí mới sáng suốt để suy nghĩ và tìm tòi được sâu xa.

Tu tập Thiền định có nhiều kết quả tốt đẹp như giữ được tâm từ bi, thương yêu chúng sinh; các phiền não tham, sân, si, không còn phát sinh nữa; gìn giữ được các giác quan không cho sắc, thanh, hương, vị, xúc lay động; vui vẻ lạc thú; xa lìa được ái dục; chứng được chân không; cởi mở được tất cả những dây trói buộc sự giải thoát; khai phát được trí tuệ vô lượng và an trú trong cảnh giới của chư Phật. Khi tâm đã được điều phục, cảnh thiên đã được chứng đắc, thời cùng với trí tuệ được đưa đến cảnh giới an lạc Niết Bàn:

(Pháp Cú 23)  
*Nhờ tu thiền định thâm sâu  
Tháng năm kiên nhẫn, trước sau chuyên cần  
Người hiền trí được bình an  
Thân tâm giải thoát, Niết Bàn hương vui.*

Riêng với thiền định Ba la mật là thiền định lên cao đến mực xuất thế gian. Tâm và ý lúc ấy tuyệt đối thanh tịnh, đến nỗi không còn biết là thanh tịnh, không còn thấy tướng thanh tịnh nữa. Khi ấy trí tuệ sáng suốt cùng cực mới phát sinh.

## TRÍ TUỆ BA LA MẬT

Trong Đạo Phật, hai tiếng vô minh được nhắc nhở đến luôn, vì chính vô minh là nguồn gốc, là đầu dây mối nhợ của đau khổ của sinh tử luân hồi. Đức Phật thường dạy chúng sinh rằng: "Cái khổ của lạc đà, của lừa ngựa chờ nặng mãn kiếp, cái khổ trôi lăn trong tam giới chưa gọi là khổ. Ngu si không trí tuệ, tin tưởng sai lạc, không biết hướng đi, cái ấy mới thật là khổ".

Đức Phật còn dạy "Si là nguồn gốc của bao tội lỗi, trí tuệ là nguồn gốc của muôn hạnh lành". Chúng ta là Phật tử chúng ta không muốn gây tội lỗi để chịu quả khổ đau, chúng ta chỉ mong làm được các hạnh lành để hưởng phước quả và được giải thoát. Vậy tất nhiên chúng ta phải tu để cố đạt được trí tuệ Ba la mật. Trí tuệ Ba la mật là thể tánh sáng suốt có khả năng soi sáng sự vật một cách thấu đáo tinh tường đến nơi đến chốn, không thể sai lầm được, trông thấy rõ

ràng chân lý của vạn vật, vũ trụ. Muốn vậy cần diệt vô minh. Đức Phật dạy rằng “Vô minh là điều ô trược, cấu uế, xấu xa dơ bẩn tệ hại nhất. Hãy dứt bỏ vô minh để trở thành người trong sạch không ô trược”:

(Pháp Cú 243)

*Điều dơ bẩn, việc xấu xa  
Đứng đầu tất cả chính là vô minh  
Tỳ Kheo nên diệt tận tình  
Diệt trừ cho hết vô minh, ngu đần  
Thành người thanh tịnh thân tâm.*

Muốn có được trí tuệ, Đức Phật chế ra nhiều pháp tu. “Giới, Định, Tuệ” và “*Văn, Tư, Tu*” là những pháp được thực hành nhiều nhất. “Giới, Định, Tuệ” đã được đề cập tới trong một phần trước. Nơi đây cần tìm hiểu thêm về “*Văn, Tư và Tu*”. “*Văn*” là nghe. Nghe lời giảng của thầy, của bạn, nghe lời nói chứa trong kinh, trong sách của chư Phật, Bồ Tát và thánh hiền. Đọc kinh sách Phật và nghe thuyết pháp là bước đầu. Khi đã gom góp, tích trữ được ít nhiều tài liệu rồi thì ta yên lặng nghiền ngẫm, suy nghĩ. Đây là giai đoạn “*Tư*”. “*Tư*” là suy tư, có suy tư mới thấu hiểu được những lời dạy của chư Phật và Thánh hiền, mới thấu hiểu được những giáo lý cao siêu của Đức Phật. Khi đã hiểu rồi thì cần phải đem những điều hiểu ấy ra thực hành. Đó là giai đoạn thứ ba trong việc tu học, giai đoạn “*Tu*”. “*Tu*” là tu học. Giai đoạn này mới là giai đoạn quan trọng, khó khăn, nhưng vô cùng thiết thực và ích lợi, vì nó đưa chúng ta đến chỗ giải thoát. Để có một quan niệm tương đối rõ ràng, chúng ta có thể nêu lên ba công năng chính của trí tuệ như sau:

1. Dứt trừ phiền não: Phiền não là do mê lầm phát sinh. Khi trí tuệ đã có thì mê lầm phải mất, như khi ánh sáng phát ra thì bóng tối tất phải tan biến đi. Mê lầm đã mất thì phiền não tất không còn phát sinh ra nữa.
2. Chiếu sáng sự vật: Sự vật bị vô minh che khuất, như màn sương sớm che phủ cảnh vật, nay trí tuệ phát chiếu vào sự vật, chẳng khác gì khi ánh sáng mặt trời lên, thì màn sương tất phải tan biến, lúc bấy giờ thực tướng thực tánh của sự vật được lộ bày như thật.
3. Thễ nhập chân lý: Khi bị vô minh phủ lấp, ngăn che thì ta với người, ta với vật tưởng như riêng biệt, sai khác. Nay nhờ trí tuệ soi sáng, thấy rõ được tâm cảnh đều chân không, nên thễ nhập được chân lý, giác ngộ hoàn toàn.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Phần 01](#) | [Phần 02](#) | [Phần 03](#)

[Các bản kinh Pháp Cú khác](#)

*Chân thành cảm ơn cư sĩ Tâm Minh Ngô Tằng Giao đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 06-2006)*

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

*updated: 16-07-2006*